

**TÀI LIỆU**  
**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**  
**Ngày 25 tháng 03 năm 2011**

1. Chương trình Đại hội
2. Báo cáo của Ban giám đốc.
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo của ban kiểm soát.
5. Tờ trình về các nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông.
6. Tờ trình bầu cử thành viên HĐQT, sơ yếu lý lịch ứng viên HĐQT, thể lệ bầu cử.
7. Báo cáo thường niên 2010.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

## CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Thời gian: 08h00 đến 11h30 ngày 25/03/2011

Địa điểm: Đường D, Khu CN Cát Lái , p.Thạnh Mỹ Lợi, quận 2 , T.P Hồ Chí Minh.

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
08h00 – 08h30	– Đón tiếp khách mời và đại biểu	BTC
08h30 – 09h00	– Tuyên bố lý do, giới thiệu khách mời, giới thiệu Ban Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu. – Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu, công bố đủ điều kiện tổ chức Đại hội. – Phát biểu khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.	MC (Biểu quyết) Đại diện BKS Chủ tọa - CT HĐQT
09h00 – 10h15	– Báo cáo kết quả SXKD 2010 và Kế hoạch SXKD năm 2011. – Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2010 – Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2010. – Báo cáo trình các nội dung xin ý kiến biểu quyết của Đại hội.	Giám Đốc Chủ tọa - CT HĐQT Trưởng BKS Giám Đốc
10h15 – 10h45	– Giới thiệu bầu cử thành viên HĐQT – Phát biểu ý kiến của thành viên HĐQT – Thông báo thể lệ và tổ chức bầu cử thành viên HĐQT – Thảo luận tại Hội trường, các cổ đông phát biểu, góp ý	TV ban chủ tọa. Ông: Phan Văn Tạo Ban kiểm phiếu. Ban chủ tọa,
10h45 – 10h55	– Thông báo quy định biểu quyết, tóm tắt các nội dung và tiến hành biểu quyết. • Biểu quyết Báo cáo tài chính kiểm toán và kết quả SXKD năm 2010. • Biểu quyết Kế hoạch SXKD năm 2011. • Biểu quyết phương án phân phối LN năm 2010. • Biểu quyết thù lao HĐQT, Ban kiểm soát. • Biểu quyết kế hoạch cổ tức năm 2011. • Biểu quyết lựa chọn đơn vị kiểm toán 2011. • Biểu quyết sửa đổi điều lệ.	Chủ tọa và Ban kiểm phiếu
10h55 – 11h15 11h15- 11h30	– Phát biểu ý kiến của khách mời – Phát biểu ý kiến của chủ tọa. – Thông báo kết quả bầu thành viên HĐQT và trình diện. – Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2011. – Phát biểu bế mạc.	Khách mời. Chủ tọa Ban kiểm phiếu, HĐQT Thư ký Chủ tọa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2011

## BÁO CÁO

**V/v: Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2010 - Kế hoạch SXKD năm 2011**  
**Đánh giá công tác điều hành năm 2010 và phương hướng nhiệm vụ 2011**

### A. Đánh giá chung tình hình SXKD cả năm 2010 và kế hoạch năm 2011:

#### 1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2010:

Kết quả sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm 31-12-2010 Công ty đã thực hiện như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2009	KH 2010	Thực hiện 2010	So sánh (%)	
						TH / KH	2010/2009
A	B	C	1	2	3	4 = 3 / 2	5 = 3 / 1
1	Tổng doanh thu :	Triệu đồng	1,151,693	1,190,000	1,218,824	102.4%	105.8%
1.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	"	1,149,968	1,190,000	1,215,655	102.2%	105.7%
	Trong đó:						
	- SXKD chính	"	1,138,560	1,178,000	1,203,162	102.1%	105.7%
	- Thương mại, khác	"	11,408	12,000	12,493	104.1%	109.5%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	"	1,558		2,575		165.3%
1.3	Thu nhập khác	"	167		594		355.7%
2	Nộp ngân sách (VAT & Thuế TNDN)	"	68,007	66,000	70,909	107.4%	104.3%
3	Lợi nhuận trước thuế	"	54,697	55,000	46,551	84.6%	85.1%
4	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	252	240	318	132.5%	126.2%
5	Sản lượng sản phẩm chủ yếu :						
5.1	Sản xuất :						
	- Cây đầu lọc (quy đổi)	Triệu cây	12,074	12,300	12,011	97.7%	99.5%
	- Nhân in (quy đổi)	Triệu tờ	2,648	2,620	2,312	88.2%	87.3%
	- Giấy sếp các loại	Tấn	1,383	1,400	1,535	109.6%	111.0%
5.2	Tiêu thụ :						
	- Cây đầu lọc (quy đổi)	Triệu cây	12,024	12,300	12,032	97.8%	100.1%
	- Nhân in (quy đổi)	Triệu tờ	2,571	2,620	2,371	90.5%	92.2%
	- Giấy sếp các loại	Tấn	1,373	1,400	1,546	110.4%	112.6%

### **a) Tình hình sản xuất kinh doanh:**

- Kết quả tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2010 chưa đáp ứng được so với kế hoạch đề ra đầu năm. Các chỉ tiêu về doanh thu, nộp ngân sách tuy có cao hơn năm trước lý do chủ yếu là do giá tăng nhưng lợi nhuận lại thấp hơn, chỉ bằng 85% cùng kỳ. Ngoài sản lượng giấy sấp tăng nhiều hơn năm trước, sản lượng sản xuất và tiêu thụ các loại còn lại đều thấp hơn so với cùng kỳ.

- Nhu cầu thị trường năm 2010 biến động khá phức tạp, ổn định trong hai quý đầu năm và đặc biệt sụt giảm trong quý III, chỉ tương đối phục hồi vào cuối năm. Nhất là đối với sản phẩm in bao bì, những mặt hàng nội tiêu truyền thống có sản lượng lớn đều giảm sút mạnh về sản lượng, nhãn in Vinataba giảm hơn 20%, các đơn vị khách hàng không tiếp tục đặt hàng thêm nhiều mẫu sản phẩm nhãn, tút lâu năm hoặc chuyển qua sử dụng bao bì BOPP làm cho sản lượng in không đạt được kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, tình hình giá giấy thế giới cũng thay đổi liên tục góp phần làm cho kế hoạch sản xuất kinh doanh mặt hàng in trong năm của công ty phải liên tục điều chỉnh.

- Tuy vậy, công ty vẫn duy trì công tác thị trường ổn định, nhất là đối với sản phẩm giấy sấp. Yếu tố tích cực trong năm qua là sản phẩm giấy sấp tăng 12% so với cùng kỳ, những mẫu hàng mới được triển khai khá nhiều chủ yếu vẫn là những sản phẩm giấy sấp đục lỗ, giấy sấp nhiều màu với nhu cầu cao cấp hơn, nhìn chung tình hình sản xuất và tiêu thụ giấy sấp khá tốt so với kế hoạch đề ra và cao hơn cùng kỳ năm trước.

- Sản lượng cây đầu lọc tương đương với cùng kỳ, cây đầu lọc đường kính nhỏ (Super Slim) có sản lượng ngày một tăng, đây là một thế mạnh của Công ty đang phát huy tối đa khả năng về mặt công nghệ.

- Tình hình xuất khẩu ổn định, cao hơn năm trước. Tổng giá trị xuất khẩu năm 2010 đạt 318 ngàn USD, cao hơn năm trước 26%. Với tình hình thế giới khuyến cáo việc sử dụng thuốc lá và giá cả biến động trong năm, cùng với việc công ty chủ động tập trung vật tư sản xuất phục vụ thị trường trong nước với nhiều khách hàng chiến lược, công ty vẫn duy trì một lượng xuất khẩu nhất định là một nỗ lực đáng kể. Với mặt hàng là phụ liệu sản xuất thuốc lá thì việc đẩy mạnh công tác xuất khẩu gặp nhiều khó khăn do khó tiếp cận được khách hàng và việc tìm kiếm thị trường mới cũng rất khó. Tình hình nhập khẩu vẫn ổn định, do là phụ liệu sản xuất thuốc lá nên thị trường cung cấp cũng hạn chế dẫn tới khó khăn trong việc tìm kiếm nhà cung cấp mới.

- Tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong năm qua biến động lớn đã tác động đến tình hình giá nguyên vật liệu tăng liên tục, bắt đầu từ giữa quý II đến cuối năm, đặc biệt là giấy in bao bì và phí vận chuyển cũng đồng loạt tăng trong khi giá bán đầu ra không thể tăng tương ứng. Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

➤ **Thuận lợi:**

- Với lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm cũng như giá thành ổn định, đồng thời được sự ủng hộ của khách hàng trong và ngoài Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam trong năm qua, Công ty đã triển khai được khá nhiều sản phẩm mới chủ yếu là nhãn in, cây đầu lọc và giấy sếp các loại cho nhiều đơn vị với số lượng đặt hàng của những mặt hàng mới cùng với sự duy trì của những mặt hàng đang sản xuất đã giữ cho sản lượng của Công ty luôn ở mức ổn định.

- Công tác XNK - vật tư được điều tiết khá tốt, hàng về đúng theo tiến độ sản xuất và lượng tồn kho phù hợp, đảm bảo nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Các nguồn lực về máy móc trang thiết bị và nhân sự của công ty đã được chuẩn bị rất tốt cho công tác sản xuất những sản phẩm mới đáp ứng cho thị trường thuốc lá ngày càng đa dạng và phong phú.

- Trong thời gian cuối năm tình hình ổn định hơn so với giữa năm do công ty đã tận dụng thời gian trong lúc nhu cầu thị trường giảm để sản xuất dự trữ một số mặt hàng chính chủ lực nhằm đáp ứng tốt yêu cầu khách hàng khi thị trường tăng trưởng trở lại. Tuy nhiên, do công ty dự trữ hàng để sản xuất đến hết năm nên phần nào vẫn chịu ảnh hưởng bởi giá nguyên liệu tồn kho vẫn ở mức cao.

➤ **Khó khăn:**

- Ngân hàng nhà nước điều chỉnh tăng tỷ giá USD/VND khiến giá cả trên thị trường biến động tăng và hầu hết các công ty nhập khẩu đều nâng giá bán tương ứng với mức tăng của tỷ giá gây khó khăn cho việc thanh toán hàng hóa nhập khẩu làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Một trong những khó khăn lớn nhất trong năm qua tình hình giá cả nguyên vật liệu từ giữa năm đến cuối năm tăng liên tục và vẫn chưa có dấu hiệu sẽ giảm. Đây là một trong những khó khăn rất lớn ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong những tháng cuối năm, sự chênh lệch lớn giữa tỷ giá niêm yết và thị trường tự do chính là nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình lợi nhuận của công ty. Việc tỷ giá ngoại tệ biến động lớn trong thời gian qua cùng với việc tăng lãi suất của ngân hàng là yếu tố trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả hoạt động cả năm của Công ty. Công ty đã tính toán dự trữ hàng tồn kho cũng như cân đối số lượng vật tư đã ký hợp đồng nhập khẩu nhằm giảm bớt ảnh hưởng do tỷ giá, trên cơ sở vẫn đảm bảo vật tư phục vụ sản xuất.

- Tình hình cúp điện trong thời gian giữa năm làm kế hoạch sản xuất của công ty phải thay đổi thích nghi trong khi số lượng và chủng loại mặt hàng ngày một nhiều đã làm Công ty hết sức khó khăn để đáp ứng tiến độ giao hàng.

- Tình hình công nợ trong năm luôn ở mức khá cao khiến cho công ty không có đủ nguồn vốn xoay trở trong việc thanh toán tiền hàng nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu.

### **b) Công tác đầu tư:**

- Mục tiêu đầu tư máy móc thiết bị trong năm là máy in ống đồng 09 màu được thực hiện theo đúng tiến độ, công ty đã ký kết hợp đồng mua và sẽ triển khai công tác tiếp nhận máy vào giữa quý II năm 2011, để bắt kịp nhu cầu thị trường trong việc phát triển sản phẩm cao cấp, góp phần tích cực vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty cũng hoàn tất công tác mua 01 máy cắt chia cuộn và đã triển khai đưa máy vào khai thác đúng tiến độ.

- Về trang thiết bị, đã hoàn tất việc bán thanh lý 01 xe nâng cũ và trang bị thêm 01 xe nâng mới công suất lớn hơn phục vụ sản xuất.

### **c) Cổ tức:**

- Trong tháng 05/2010, Công ty đã chi thêm cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt với tỉ lệ là 13%/ vốn điều lệ công ty (Tháng 12/2009 đã tạm ứng cổ tức năm 2009 với tỉ lệ 7%) tương ứng với số tiền 17,034,979,000 đ từ lợi nhuận năm 2009, cụ thể như sau:

- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá : 10,000 đồng/cổ phần.
- Tỉ lệ cổ tức : 13% trên mệnh giá (1,300 đồng /cổ phiếu)
- Ngày đăng ký cuối cùng: 12/04/2010.
- Thời gian thực hiện chi trả: 10/05/2010.

- Tháng 12/2010 công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2010 bằng tiền mặt với tỉ lệ là 12%/ vốn điều lệ công ty, tương ứng với số tiền 15,724,596,000 đ từ lợi nhuận năm 2010, cụ thể như sau :

- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10,000 đ/cổ phần
- Tỉ lệ cổ tức : 12%/ mệnh giá (1,200 đồng/cổ phiếu )
- Ngày đăng ký cuối cùng : 19/11/2010
- Ngày trả cổ tức : 16/12/2010

- Sau hơn bốn năm niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "CLC", Công ty đã thực hiện tốt những quy định của nhà nước đối với một doanh nghiệp niêm yết, công bố thông tin chính xác và kịp thời, thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với cổ đông về quyền lợi và cổ tức.

**Cơ cấu cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty:**

TT	Cổ đông	Tại thời điểm 25-02-2011		
		Số lượng Cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ nắm giữ
<b>A</b>	<b>Cổ đông trong nước :</b>	<b>658</b>	<b>12,475,239</b>	<b>95.20%</b>
1	Nhà nước (TCT Thuốc Lá Việt Nam)	1	6,683,040	51.00%
2	HDQT, BGD, BKS	5	168,504	1.29%
3	Cá nhân trong Công ty	90	711,019	5.43%
4	Cá nhân ngoài Công ty	532	3,424,305	26.13%
5	Tổ chức trong nước	30	1,488,371	11.36%
<b>B</b>	<b>Cổ đông ngoài nước :</b>	<b>41</b>	<b>628,591</b>	<b>4.80%</b>
1	Tổ chức ngoài nước	10	590,437	4.51%
2	Cá nhân ngoài nước	31	38,154	0.29%
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>699</b>	<b>13,103,830</b>	<b>100.00%</b>

**Danh sách cổ đông lớn :**

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Thuốc Lá VN	25A Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	6,683,040	51%
2	Công TNHH 1 TV Thuốc Lá SG	152 Trần Phú, P.4, Q.5, TpHCM	836,270	6.38%

**2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:**

- Căn cứ vào kết quả thực hiện SXKD năm 2010, năng suất khai thác hiện tại, xu hướng phát triển sản phẩm của cùng những chuyển biến của thị trường, Công ty dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch thực hiện năm 2011 như sau :

TT	Chỉ tiêu kế hoạch	ĐVT	TH 2010	Kế hoạch 2011
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu bán hàng &amp; cung cấp DV</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>1,215,655</b>	<b>1,250,000</b>
	- Sản xuất kinh doanh chính	Triệu đồng	1,203,162	1,237,500
	- Thương mại, khác	Triệu đồng	12,493	12,500
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>46,551</b>	<b>46,000</b>

<b>3</b>	<b>Nộp ngân sách (VAT &amp; Thuế TNDN)</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>70,909</b>	<b>56,000</b>
<b>4</b>	<b>Sản lượng sản xuất và tiêu thụ</b>			
	- Cây đầu lọc (quy đổi)	Triệu cây	12,032	12,030
	- Nhãn in (quy đổi)	Triệu tờ	2,371	2,370
	- Giấy sếp các loại	Tấn	1,546	1,550

- Với sản lượng đạt được trong năm 2010 và tình hình thị trường trong năm, dự đoán nhu cầu thị trường 2011 sẽ chỉ tương đương năm 2010. Sản phẩm giấy sếp và cây đầu lọc của công ty đã chiếm giữ thị phần lớn thị trường trong nước rất khó tăng thêm, sản lượng in đang có xu hướng giảm. Trước bối cảnh đó, Công ty sẽ cố gắng đẩy mạnh công tác thị trường, chủ động sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng nhằm giữ vững thị phần và qua đó tìm hiểu để nắm bắt xu hướng phát triển sản phẩm nhằm có những điều chỉnh cho phù hợp kịp thời đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tình hình nguyên liệu đầu vào đang có xu hướng tăng lên và vẫn chưa có dấu hiệu giảm nhiệt, cùng với tỷ giá và lãi suất biến động không ngừng sẽ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kế hoạch năm 2011. Công ty đã và đang đàm phán với các nhà cung cấp nhằm ổn định giá cả đầu vào cho kế hoạch nguyên liệu năm mới. Đồng thời chủ động tìm nguồn cung cấp nguyên liệu mới với chất lượng phù hợp và giá cả ổn định, cạnh tranh.

- Lợi thế xuất nhập khẩu trực tiếp của Công ty vẫn phát huy khá tốt trong năm qua giúp công ty chủ động trong việc đàm phán giá cả và sắp xếp được kế hoạch hàng nhập về đáp ứng nhu cầu sản xuất, tồn kho hợp lý. Công ty sẽ cố gắng phát huy lợi thế này trong năm mới, với tiêu chí vẫn luôn duy trì những đối tác hiện có và tìm kiếm thêm những đối tác mới trong cả xuất khẩu hàng hoá và nhập khẩu nguyên vật liệu có đầy đủ năng lực và thiện chí muốn hợp tác lâu dài với công ty, tránh để rơi vào trường hợp bị động về nguyên liệu và hàng hóa.

- Kế hoạch đầu tư trong năm 2011 của Công ty vẫn với mục tiêu là cải tiến, nâng cấp máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường và sử dụng hợp lý hiệu suất vốn đầu tư. Kế hoạch trong năm mới tập trung vào công nghệ và chiều sâu trong việc khai thác những sản phẩm mới theo xu hướng thuộc cao cấp. Kịp thời đáp ứng nhu cầu thị trường thuộc cao cấp, tăng sức cạnh tranh trên thị trường nhất là khi Việt Nam đã là thành viên WTO trong đó có việc mở cửa



thị trường thuốc lá, khi đó mặt hàng thuốc lá sẽ phải nâng cấp để cạnh tranh với thuốc nhập khẩu.

- Việc tăng giá những mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện, nước, chi phí vận chuyển. . . trong năm sẽ làm áp lực tăng giá các nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh 2011 của Công ty.

- Tình hình kinh tế trong nước chịu tác động trực tiếp từ sự biến động của khủng hoảng kinh tế thế giới những năm qua và vẫn chưa ổn định sẽ tác động nhiều đến kế hoạch năm 2011 của Công ty. Ngoài ra, việc tuyên truyền quảng bá tác hại của thuốc lá ngày một thường xuyên, cùng với các quy định về kiểm soát thuốc lá ngày càng chặt chẽ theo hướng hạn chế sử dụng thuốc lá sẽ tác động đến tâm lý người hút thuốc, ảnh hưởng đến thị trường thuốc lá và cũng gián tiếp ảnh hưởng đến thị trường của Công ty. Tuy vậy, đó cũng chính là cơ hội để thuốc lá trong nước có khả năng cạnh tranh với các loại thuốc lá ngoại nhập với chi phí rẻ hơn và lực lượng lao động dồi dào.

- Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, tình hình năm 2011 sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp. Công ty sẽ luôn theo sát diễn biến thị trường kịp thời đưa ra phương pháp giải quyết tối ưu nhất nhằm quản lý sản xuất tốt, nỗ lực tăng cường tập trung chăm sóc thị trường trong nước đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu hơn nữa. Bên cạnh đó là việc cải tiến công nghệ, nâng cao kỹ thuật, triệt để thực hành tiết kiệm giảm thiểu chi phí đồng thời không ngừng nâng cao trình độ nguồn nhân lực, phát huy hết khả năng để hoàn thành tốt kế hoạch năm mới, đảm bảo thu nhập và việc làm cho người lao động.

- Với sự chuẩn bị cho kế hoạch năm 2011 như đã nêu, Công ty sẽ cố gắng phát huy lợi thế của mình trong năm mới, thực hiện tiết kiệm có hiệu quả nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần vào sự phát triển chung của toàn ngành và của Công ty.

## **B. Đánh giá công tác điều hành năm 2010 và phương hướng nhiệm vụ 2011 :**

### **1. Đánh giá công tác điều hành năm 2010 :**

Qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2010, Ban giám đốc xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về công tác điều hành trong năm 2010 như sau :

#### **a) Những thuận lợi :**

Được sự chỉ đạo tích cực của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt việc điều hành hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo thực hiện đúng các định hướng sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông đã thông qua, đảm bảo điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quyền hạn quy định của điều lệ Công ty, thông qua công tác điều hành cụ thể hoá các nghị quyết của Hội đồng

quản trị sao cho đúng với chiến lược phát triển đã đề ra, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm như sau :

- Điều hành Công ty thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng, chủ động làm việc với khách hàng để điều chỉnh giá bán sản phẩm khi nguyên liệu đầu vào tăng giá nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty gắn liền với lợi ích của khách hàng.
- Thực hiện tốt công tác tổ chức của Công ty, bổ nhiệm 01 Phó phòng Tiêu thụ Thị trường, 01 Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, 01 quyền quản đốc phân xưởng cây đầu lọc thay thế cho những cán bộ nghỉ hưu, luân chuyển công tác khác và bổ sung thêm nhân sự nghiệp vụ...từng bước hoàn chỉnh bộ máy quản lý điều hành đáp ứng nhu cầu công việc và hướng phát triển của Công ty trong tương lai.
- Hoàn chỉnh các Quy chế của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty, thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Nâng cao tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, đặc biệt là tập thể cán bộ công nhân viên có trình độ quản lý tốt, có kinh nghiệm và tay nghề cao am hiểu nhiều trong lĩnh vực sản xuất chuyên ngành.

**b) Những khó khăn và biện pháp khắc phục :**


Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, trước những thay đổi của thị trường Công ty cũng gặp không ít khó khăn :

- Khó khăn lớn nhất trong năm qua vẫn là giá nguyên liệu đầu vào tăng liên tục, chi phí vận chuyển tăng, hầu hết các chi phí đều tăng do tình hình của thị trường làm ảnh hưởng rất nhiều đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Đứng trước tình hình đó, Công ty đã chủ động đàm phán với khách hàng tăng giá bán sản phẩm nhưng do tình hình chung của các đơn vị đều khó khăn trong việc tăng giá bán đầu ra nên Công ty chỉ tăng giá được phần nào nhằm chia sẻ bớt khó khăn với các đơn vị khách hàng của Công ty.
- Cơ chế chính sách tài chính chưa đồng bộ, tỷ giá biến động liên tục theo chiều hướng tăng trong năm 2010. Trước tình hình đó, Công ty đã phải cân đối nguồn lực của Công ty để đưa ra những giải pháp tài chính phù hợp với tình hình thực tế nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng do biến động tỷ giá.

## 2. Phương hướng nhiệm vụ năm 2011:

- Tích cực điều hành hoạt động của Công ty trong năm 2011, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh :
  - ✓ Tổng doanh thu : 1.250 tỷ đồng
  - ✓ Lợi nhuận TT : 46 tỷ đồng
  - ✓ Nộp ngân sách : 56 tỷ đồng (VAT và Thuế TNDN)
  - ✓ Sản lượng :
    - Nhân in quy đổi : 2,370 tỷ tờ nhãn
    - CĐL quy đổi : 12,03 tỷ cây
    - Giấy sếp : 1.550 tấn
- Xây dựng những giải pháp thực hiện sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch 2011 như đã đề ra:
  - ✓ Nâng cao sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường bằng lợi thế về mặt chất lượng, công nghệ và giá cả cạnh tranh.
  - ✓ Mở rộng thị trường và thị phần trong nước bằng những chính sách thị trường hợp lý.
  - ✓ Sản phẩm in còn chiếm tỷ lệ sản lượng thấp trong xuất khẩu, do đó cần có phương hướng giữ vững và duy trì thị phần xuất khẩu, cải thiện hơn nữa về sản lượng đầu ra.
  - ✓ Chú trọng xây dựng thương hiệu, giới thiệu hình ảnh Công ty qua trang Website của Công ty.
- Từng bước nâng cao thu nhập người lao động, trích thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích thi đua lao động xuất sắc.
- Xây dựng và triển khai các chương trình hành động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như giảm tiêu hao nguyên liệu, thực hiện chương trình “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý như ứng dụng chương trình ERP trong toàn công ty, sử dụng các phần mềm theo chuẩn của cơ quan thuế, Bộ tài chính..
- Khuyến khích nghiên cứu công nghệ mới có tính thực tiễn cao, cải tiến công nghệ cũ nhằm khai thác tối đa công suất phục vụ sản xuất mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy nhân sự hoạt động hiệu quả, tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế hoạt động trong tình hình mới.
- Từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty, chủ động trước nhu cầu thị trường bằng cách mở rộng nghiên cứu về công nghệ, thị trường, dự báo tình hình và xu

hướng phát triển của sản phẩm nhằm có những thay đổi kịp thời và phù hợp với thực tế nhất là trong thời gian tới khi có nhiều thay đổi đối với mặt hàng thuốc lá.

GIÁM ĐỐC *S*  
  
*Bui Tan Hoa*  
BUI TÂN HÒA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2011

**BÁO CÁO**  
**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010*  
*Tại phiên họp đại hội cổ đông thường niên năm 2011*

**Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

Hội đồng quản trị chúng tôi gồm có 5 thành viên:

1. Ông Phan Văn Tạo.
2. Ông Nguyễn Duy Khánh.
3. Ông Bùi Tấn Hòa.
4. Ông Cù Mạnh Đạt.
5. Ông Trương Bình An Sơn.

Các thành viên Hội đồng quản trị cùng Ban Giám Đốc Công ty đã tích cực phối hợp làm việc để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2010 đã được Đại hội cổ đông thông qua trong bối cảnh có những thuận lợi và không ít khó khăn như sau:

✓ **Thuận lợi:**

- Được sự chỉ đạo, giúp đỡ tận tình của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và các phòng ban của Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam;
- Được sự quan tâm, hợp tác của các khách hàng trong và ngoài nước đã tin tưởng vào chất lượng sản phẩm của Công ty;
- Sự quyết tâm, sự đoàn kết và tinh thần trách nhiệm cao của mỗi thành viên Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc công ty.
- Sự đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty có trình độ quản lý tốt, có kinh nghiệm và tay nghề cao am hiểu nhiều trong lĩnh vực sản xuất chuyên ngành.

✓ **Khó khăn:**

- Giá nguyên liệu trong và ngoài nước đều tăng cao so với năm 2009 cụ thể nguyên liệu giấy cho sản xuất nhãn in cũng liên tục biến động theo chiều hướng tăng từ quý 2/2010, tính đến thời điểm cuối năm 2010 đã tăng khoảng 30% so với đầu năm vì thế đã ảnh hưởng lớn đến giá thành sản phẩm của Công ty.
- Do nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh tăng lên trong khi đó nguồn vốn chủ của Công ty không đủ đáp ứng nên việc vay nợ Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động là khá lớn mà lãi suất tiền vay luôn ở mức cao khoảng

16%/năm, mặt khác nguyên liệu sản xuất đầu vào của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu phải sử dụng ngoại tệ để thanh toán trong khi tỷ giá ngoại tệ liên tục biến động theo chiều hướng tăng đã làm chi phí tài chính của Công ty năm 2010 tăng gần 12 tỷ đồng so với năm 2009, điều này ảnh hưởng làm giảm sút lớn tới lợi nhuận của Công ty.

- Các quy định của Nhà nước còn chưa đồng bộ giữa Doanh nghiệp nhà nước và Công ty cổ phần nên việc áp dụng các quy định của Nhà nước cho Công ty còn gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình sản xuất, tiêu thụ của các Công ty thuộc lá điều trong nước là khách hàng của Công ty còn nhiều khó khăn, tình trạng thuốc lá lậu còn phổ biến, thị trường xuất khẩu giảm sút do khủng hoảng kinh tế... vì thế cũng ảnh hưởng lớn tới sản lượng tiêu thụ của Công ty.

- Nền kinh tế trong nước cũng như thế giới vẫn còn chưa ổn định do khủng hoảng gây ra.

Mặc dù trong năm 2010, Công ty gặp không ít những khó khăn như trên, tuy nhiên với sự quyết tâm cao và sự chỉ đạo sát sao. Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc công ty đã cố gắng khắc phục và lãnh đạo Công ty để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội Cổ đông giao cho và đã hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, cổ tức, riêng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế chỉ đạt được 84,64% kế hoạch do ảnh hưởng bởi chi phí tài chính tăng cao.

Hội đồng quản trị xin báo cáo đánh giá một số nội dung về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và công tác quản lý của Hội đồng quản trị trước Đại hội cổ đông như sau:

## I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

Năm 2010, Công ty tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thêm 5,71% so với năm 2009, tuy nhiên lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 85,11% so với năm trước do ảnh hưởng lãi suất tiền vay và tỷ giá ngoại tệ tăng cao làm cho chi phí tài chính của Công ty tăng 25,91% so với năm trước cụ thể:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Các chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tỷ lệ % 2010/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.149.968	1.215.655	105,710%
2. Lợi nhuận trước thuế	54.697	46.551	85,11%
3. Lợi nhuận sau thuế	50.756	42.868	84,46%
4. Chi phí tài chính	45.615	57.435	125,91%

## 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Thực hiện 2010	K. hoạch 2010	Tỷ lệ % T.hiện/K.hoạch
1. Tổng doanh thu	1.218.824	1.190.000	102,42%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	46.551	55.000	84,64%

Ghi chú: Tổng doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.215.655 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 2.575 triệu đồng và thu nhập khác: 594 triệu đồng.

### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: Không có

### 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

#### 4.1 Triển vọng của Công ty:

- ✓ Sản phẩm của Công ty mang tính đặc thù và tính công nghệ cao được các khách hàng tin tưởng sử dụng do chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt, giá cả cạnh tranh đồng thời Công ty rất chú trọng trong việc quản lý chất lượng sản phẩm.
- ✓ Thị trường sản phẩm của Công ty đảm bảo được sự ổn định, bền vững và tăng trưởng do thị phần sản phẩm nhãn in, giấy sấp, cây đầu lọc của Công ty chiếm tỷ trọng lớn tại thị trường trong nước.
- ✓ Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm in của Công ty còn rất lớn vì thế mặt hàng sản phẩm in tiếp tục có sự tăng trưởng trong tương lai.

#### 4.2 Kế hoạch trong tương lai:

- ✓ Công ty tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm theo nhu cầu thị trường, tổ chức nghiên cứu thị trường cùng phối hợp với khách hàng dự báo xu hướng phát triển sản phẩm mới nhất là sản phẩm in công nghệ cao (Hologram), cây đầu lọc tâm hương, đường kính nhỏ (slim), giấy sấp nhiều màu và giấy sấp đục lỗ;
- ✓ Công ty tiếp tục đầu tư thêm 01 máy in ống đồng 9 màu trong năm 2010 để đáp ứng năng lực sản xuất, dự kiến máy in ống đồng 9 màu được lắp đặt và đưa vào sử dụng vào giữa năm 2011;
- ✓ Tiếp tục hoàn thiện phương án mở rộng sản xuất tại phía Bắc;
- ✓ Quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập người lao động tăng trưởng ổn định;
- ✓ Nghiên cứu và triển khai các biện pháp huy động vốn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn để giảm tỷ trọng nợ phải trả tránh sự phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay cụ thể như phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, chính sách chi trả cổ

tức hợp lý vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông vừa đảm bảo vốn tích lũy cho công ty để đầu tư phát triển, ...;

✓ Phần đầu giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc..

## II. CÁC CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2010

✓ **Công tác điều hành :**

- Trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp và ban hành 5 nghị quyết, tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

✓ **Công tác tổ chức**

- Thông qua việc bổ nhiệm 01 trưởng phòng Tổ chức hành chính; 01 phó phòng Tiêu thụ - Thị trường; 01 quyền quản đốc phân xưởng cây đầu lọc.

✓ **Công tác ban hành quy chế :**

- Hội đồng quản trị đã cho ban hành quy chế trong tháng 01/2011 gồm: Quy chế Người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; quy chế Khen thưởng Quỹ thưởng ban quản lý điều hành; quy chế Thực hiện dân chủ trong công ty; quy chế Chi tiêu nội bộ. Các quy chế này được áp dụng từ năm 2011.

✓ **Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh :**

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2010.
- Đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011 trình Đại hội cổ đông.

✓ **Công tác đầu tư:**

- Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: “Đầu tư 01 máy cắt giấy chia cuộn”.
- Phê duyệt gói thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Cung cấp và lắp đặt 01 máy in ống đồng 9 màu có thêm cụm Hologram”.
- Chủ trương mở rộng sản xuất dưới hình thức hợp tác góp vốn thành lập Công ty sản xuất tại Phía Bắc.

✓ **Công tác khác:**

- Chuẩn bị tài liệu trình Đại hội cổ đông và tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2010.
- Thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- Chỉ đạo giám sát Ban giám đốc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

✓ **Công tác đánh giá, kiểm điểm của Hội đồng quản trị :**

- Công tác tổ chức họp và ban hành nghị quyết : Hội đồng quản trị đã nghiêm túc tổ chức các phiên họp thường kỳ nhằm vạch ra các chủ trương đúng



đảm cho công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả . Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty trong việc theo dõi triển khai những nghị quyết đã ban hành nhằm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty và chính sách của Nhà nước.

- Công tác chỉ đạo giám sát: Chỉ đạo và giám sát Ban Giám Đốc tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban. Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị để mang lại hiệu quả cao cho Công ty trong năm 2010.

## 2. Mục tiêu, phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2011

✓ Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2011 và đề xuất với Đại hội cổ đông về nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty cụ thể:

- Tổng doanh thu: 1.250.000 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 46.000 triệu đồng.
- Nộp ngân sách (Thuế VAT và thuế TNDN): 56.000 triệu đồng.

✓ Tổ chức họp Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý, đột xuất (nếu cần) để đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc và đề ra những phương hướng, định hướng giúp Công ty hoạt động một cách hiệu quả nhất.

✓ Chỉ đạo và giám sát Ban giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị để tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập của người lao động.

✓ Chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc thực hiện đúng tiến độ đầu tư đối với dự án: đầu tư mới 01 máy in ống đồng 9 màu có thêm cụm Hologram và đưa vào sử dụng một cách hiệu quả để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng sản xuất của Công ty.

✓ Chỉ đạo sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, tập trung vốn cho mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh chính.

✓ Hoàn thiện phương án mở rộng sản xuất, thành lập Công ty con tại Phía Bắc.

✓ Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, phát huy sáng tạo và công hiến của người lao động.

✓ Nghiên cứu các hoạt động kinh doanh đa ngành của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam để kết hợp mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương của Công ty mẹ.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**PHAN VĂN TẠO**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2011

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
Ngày 25 tháng 03 năm 2011

Căn cứ Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 115/2007/TT-BTC ngày 25 tháng 09 năm 2007 hướng dẫn một số nội dung về giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 03 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc Ban hành quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán;

Căn cứ điều lệ hoạt động và tổ chức của công ty cổ phần Cát Lợi;

Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2010 của công ty cổ phần Cát Lợi,

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị một số vấn đề như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010:**

1. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2009;
2. Thẩm định báo cáo của HĐQT Cty CP Cát Lợi về việc đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2010 trước khi trình đại hội đồng cổ đông trong phiên họp ngày 25/03 /2011;
3. Kiểm tra công nợ và các hợp đồng mua bán nguyên, phụ liệu;
4. Kiểm tra chi phí
5. Thực hiện chế độ báo cáo quý cho HĐQT công ty trong đó có phân tích, so sánh và đề nghị một số vấn đề liên quan đến tài chính;
6. Tham dự các cuộc họp của HĐQT công ty theo thư mời.

**II. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC ĐỀ NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:**

**1. Tổ chức các cuộc họp:**

Đã thực hiện theo đúng quy định : Ban kiểm soát họp 2 lần trong năm. và kiểm tra theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban.

Ngày 23/03/2010, tiến hành Kiểm tra công nợ và các hợp đồng mua bán nguyên, phụ liệu .

Ngày 22/09/2010, kiểm tra chi phí, và các chứng từ gốc như phiếu thu, phiếu chi và các chứng từ liên quan.

Ngày 07/03 /2011 thông qua điện thoại, Email Ban kiểm soát tiến hành họp với với mục đích đánh giá tình hình hoạt động của công ty năm 2010; đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát; kiểm điểm của các thành viên ban kiểm soát và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2011 của Ban kiểm soát.

## 2. Các đề nghị của ban kiểm soát:

Sau kiểm tra ban kiểm soát đã có một số kiến nghị:

- Để tránh rủi ro trong việc thu hồi công nợ và tạo điều kiện cho phòng Tài chính kế toán trong việc thanh toán: Công ty cần thận trọng lựa chọn nhà cung cấp trong việc thanh toán trả tiền trước khi giao hàng .
- Kiểm tra, rà soát kỹ câu, chữ trong các điều khoản trước khi ký hợp đồng tránh các trường hợp bất lợi cho công ty khi có tranh chấp xảy ra.
- Đối với hóa đơn, tạm ứng tiền mặt :Ban kiểm soát đã lưu ý công ty một số vấn đề cụ thể để việc quản lý tài chính ngày một chặt chẽ hơn (thể hiện trong các biên bản kiểm tra)

## III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

### 1. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD cơ bản:

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2009	Tăng,giảm -
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>552.462.069.291</b>	<b>405.019.360.225</b>	<b>147.442.709.066</b>
1. Tiền	67.484.438.480	37.913.110.245	29.571.328.235
2. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	1.900.076.000	1.700.068.000	200.008.000
3. các khoản phải thu ngắn hạn	191.768.675.947	138.449.243.761	53.319.432.186
4. Hàng tồn kho	286.336.486.362	225.038.377.396	61.298.108.966
5. Tài sản ngắn hạn khác	4.972.392.502	1.918.560.823	3.053.831.679
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>50.384.305.277</b>	<b>64.647.614.033</b>	<b>-14.263.308.756</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0
2. Tài sản cố định	30.134.305.277	44.397.614.033	-14.263.308.756
3. Bất động sản đầu tư	0	0	0
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20.250.000.000	20.250.000.000	0
5. Tài sản dài hạn khác	0	0	0
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>602.846.374.568</b>	<b>469.666.974.258</b>	<b>133.179.400.310</b>
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>401.265.565.327</b>	<b>278.794.043.548</b>	<b>122.471.521.779</b>
1. Nợ ngắn hạn	401.016.487.615	278.617.922.362	122.398.565.253
2. Nợ dài hạn	249.077.712	176.121.186	72.956.526
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>201.580.809.241</b>	<b>190.872.930.710</b>	<b>10.707.878.531</b>
1. Vốn chủ sở hữu	201.580.809.241	190.872.930.710	10.707.878.531
2. Nguồn kinh phí, quỹ khác	0	0	0
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>602.846.374.568</b>	<b>469.666.974.258</b>	<b>133.179.400.310</b>

Kết quả SXKD	Năm 2010	Năm 2009	Tăng, giảm -	Tỷ lệ
1. Tổng Doanh thu	1.218.823.692.561	1.151.692.484.076	67.131.208.485	5,83
- Doanh thu bán hàng	1.215.654.663.994	1.149.967.803.965	65.686.860.029	5,71
- Doanh thu HĐTC	2.574.663.199	1.557.939.113	1.016.724.086	65,26
- Thu nhập khác	594.365.368	166.740.998	427.624.370	256,46
2. Tổng chi phí	1.172.272.713.407	1.096.995.087.447	75.277.625.960	6,86
3. Tổng lợi nhuận TT	46.550.979.154	54.697.396.629	(8.146.417.475)	(14,89)
4. Chi phí thuế hiện hành	3.682.738.680	3.941.661.824	(258.923.144)	(6,57)
5. Lợi nhuận sau thuế	42.868.240.474	50.755.734.805	(7.887.494.331)	(15,54)
6. Số ngân sách phải nộp	104.255.752.163	86.984.479.140	17.271.273.023	19,86
7. Số ngân sách đã nộp	96.476.968.105	94.764.426.193	1.712.541.912	1,81
8. Tiền lương				
- Tổng quỹ lương	28.725.995.077	28.105.256.093	620.738.984	2,21
- Số lao động BQ (người)	320	311	9	2,89
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.481.000	7.531.000	(50.000)	(0,66)

### Phân tích đánh giá

#### a. Về hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2010 so với năm 2009:

- Tổng doanh thu năm 2010 đạt 102,42% so với kế hoạch (1.190 tỷ); so với năm 2009 tổng doanh thu của Công ty tăng 5,83 % (tăng 67,131 tỷ đồng), trong đó chủ yếu tăng từ hoạt động doanh thu bán hàng (tăng 5,71%, tương ứng tăng 65,686 tỷ đồng).
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2010 bao gồm lãi tiền gửi : 909.917.302 đồng, lãi từ đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh: 1.330.004.600 đồng, lãi chênh lệch tỷ giá: 334.741.297 đồng
- Tổng chi phí: so với năm 2009 tăng 6,86%, tương ứng tăng 75,277 tỷ đồng. Nếu so với tốc độ tăng doanh thu, thì tốc độ tăng chi phí năm 2010 của Công ty cao hơn 1,03%.
- Tổng lợi nhuận trước thuế: so với năm 2009 giảm 14,89%, tương ứng giảm 8,146 tỷ đồng. Nếu so với tốc độ tăng của doanh thu, thì năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty chưa hiệu quả.
- Chi phí tài chính năm 2010 : 57.434.604.144 đồng (bao gồm các khoản lãi vay: 26.011.746.404 đồng, Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ :31.622.865.740 đồng) tăng 11.819.138.443 đồng so với năm 2009

#### b. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính:

Stt	Diễn giải	Năm 2010	Năm 2009	Tăng/Giảm
<b>I</b>	<b>Về cơ cấu nguồn vốn</b>			
	Tỷ suất công nợ phải trả/nguồn vốn (%)	66,56	59,36	7,20
	Tỷ suất nợ ngắn hạn/nguồn vốn (%)	66,52	59,32	7,20
	Tỷ suất nợ dài hạn/nguồn vốn (%)	0,04	0,04	0,00
	Tỷ suất vốn chủ sở hữu/nguồn vốn (%)	33,44	40,64	(7,20)
<b>II</b>	<b>Về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán hiện thời (lần)	1,38	1,45	(0,08)
	Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,17	0,14	0,03
<b>III</b>	<b>Về độ sinh lời của vốn kinh doanh</b>			
	Tỷ suất LN trước thuế so với doanh thu (%)	3,83	4,76	(0,93)
	Tỷ suất LN sau thuế so với doanh thu (%)	3,53	4,41	(0,89)
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.271,00	3.873,00	(602,00)

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời năm 2010 là 1,38 lần > 1 điều này chứng tỏ công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ, tuy nhiên khả năng thanh toán nhanh là  $0,17 < 1$  thì đối với những khoản nợ phải thanh toán nhanh hoặc đột xuất ngoài kế hoạch công ty sẽ khó đáp ứng.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế so với doanh thu năm 2010 là 3,83%, so với năm 2009 giảm 0,93%.

#### **IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC, VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ:**

*1. Việc tuân thủ qui định hiện hành và thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT:* Hội đồng Quản trị đã tích cực triển khai các quyết nghị của Đại hội; Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện và tích cực triển khai các chương trình cơ bản như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/03/2010
- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1/2010 theo đúng tinh thần Nghị quyết số 84/NQ-CL ngày 22/01/2010;
- Mở thầu dự án đầu tư 01 máy in ống đồng 9 màu có thêm 01 cụm Hologram tốc độ 250mét/phút mới 100%.
- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2/2010 theo đúng tinh thần Nghị quyết số 84/NQ-CL ngày 22/01/2010;
- Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình : “Đầu tư một máy cắt giấy chia cuộn, công suất 200mét/phút” ;
- Phê duyệt chủ trương dự án góp vốn cùng công ty Thuốc lá Thăng Long thành lập công ty TNHH hai thành viên với số vốn góp là 35 tỷ đồng chiếm 70% vốn điều lệ. Đồng thời chấm dứt việc thực hiện chủ trương thành lập 01 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại phía bắc theo Nghị quyết số 378/NQ-CL ngày 14/7/2009
- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3/2010 theo tinh thần Nghị quyết số 418/NQ-CL ngày 15/07/2010. Tuy nhiên Hội đồng quản trị và ban điều hành công ty đã không hoàn thành kế hoạch đề ra trong quý 3/2010, cụ thể:
  - ❖ Doanh thu đạt 280, 577 tỷ (kế hoạch 305 tỷ)
  - ❖ Lợi nhuận trước thuế đạt 11 tỷ (kế hoạch 14, 5 tỷ)
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 ;
- Thông qua dự toán chi phí thị trường năm 2011 để làm cơ sở trình đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp tới
- Thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 với tỷ lệ 12%/mệnh giá
- Chấp thuận việc tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 là 1 tỷ đồng

*2. Công tác tổ chức họp và ban hành Nghị quyết:* Hội đồng quản trị đã nghiêm túc tổ chức các phiên họp thường kỳ nhằm vạch ra các chủ trương đúng đắn cho Công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả.

*3. Công tác điều hành Công ty:* Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty. Nghiêm túc thực hiện các đề nghị của Ban kiểm soát.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc căn cứ vào một số chỉ tiêu sau:

- Các chỉ tiêu doanh thu: tăng 5,83% xếp loại B ( ngành công nghiệp chế biến tăng từ 7% trở lên xếp loại A)
- Chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước thấp hơn năm trước : xếp loại B;
- Chỉ tiêu nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn : >1 xếp loại A
- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành: không vi phạm xếp loại A
- Tình hình thực hiện sản phẩm: sản lượng giảm 3% ,xếp loại B
- Xếp loại doanh nghiệp: Loại B
- Xếp loại kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc : Hoàn thành nhiệm vụ.

#### V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp HĐQT đều mở rộng, có Ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của HĐQT đều được chuyển sang Ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và điều hành của Ban Giám đốc.
- Thường xuyên phối hợp cùng với HĐQT, Ban Giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT đến các phòng ban, phân xưởng trong công ty, các cổ đông trong cũng như ngoài công ty như hoạt động SXKD, chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện thắng lợi Nghị quyết của HĐQT đã đề ra.
- Thường xuyên trao đổi cùng HĐQT, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính, cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

#### VI. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2011

1. Xem xét việc tổ chức hoạt động kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban giám đốc thông qua việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và kết quả hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc;
2. Xem xét việc thực hiện mục tiêu nhiệm vụ được giao, chiến lược, kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm ; Xem xét tình hình quản trị tài chính công ty;
3. Xem xét việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, điều lệ công ty;
4. Xem xét tình hình quản lý, sử dụng vốn; phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ./.

#### Nơi nhận:

- HĐQT, BGD;
- Các phòng ban;
- Cổ đông
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



Mai Thị Thu Lan

## TỜ TRÌNH

Về các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

Kính gửi: **Quý cổ đông – Công ty cổ phần Cát Lợi**

Căn cứ vào điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ Phần Cát Lợi đã được thông qua ngày 29/02/2008;

Căn cứ vào các tài liệu đã trình Đại hội đồng cổ đông,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Cát Lợi đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông các nội dung chương trình của Đại hội như sau:

### I. XEM XÉT VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG DƯỚI ĐÂY.

#### 1. Báo cáo tài chính năm 2010 đã kiểm toán với kết quả Hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

• <b>Tổng doanh thu:</b>	<b>1.218.823.692.561 đồng</b>
<i>Bao gồm:</i>	
- <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:</i>	<i>1.215.654.663.994 đồng</i>
- <i>Doanh thu hoạt động tài chính:</i>	<i>2.574.663.199 đồng.</i>
- <i>Thu nhập khác:</i>	<i>594.365.368 đồng.</i>
• <b>Lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>46.550.979.154 đồng.</b>
• <b>Lợi nhuận sau thuế:</b>	<b>42.868.240.474 đồng.</b>

#### 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011:

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước có nhiều bất ổn vĩ mô như lạm phát tăng cao, Nhà nước đã điều chỉnh tỷ giá tăng tới 9,3%, thâm hụt thương mại lớn làm khan hiếm nguồn cung ngoại tệ đồng thời lãi suất tiền vay đang đứng ở mức cao (khoảng 20%/năm) và chưa có dấu hiệu giảm lại trong năm nay do nhà nước thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát vì thế sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2011. Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, với thực lực hiện có của Công ty cùng với việc xem xét đánh giá những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2011 trình Đại hội cổ đông như sau:

• <b>Tổng doanh thu:</b>	<b>1.250 tỷ đồng.</b>
• <b>Lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>46 tỷ đồng.</b>



### 3. Phân phối lợi nhuận 2010: Trích lập các quỹ, cổ tức 2010.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2010: 42.868.240.474 đồng.
- Trích các quỹ công ty năm 2010: 14.636.266.538 đồng.  
Gồm:
  - Quỹ dự phòng tài chính (10% LNST): 4.286.824.000 đồng.
  - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% LNST): 2.143.412.000 đồng.
  - Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% LNST): 4.286.824.000 đồng.
  - Quỹ đầu tư và phát triển (số thuế TNDN được giảm): 3.669.206.538 đồng.
  - Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành: 250.000.000 đồng.
- Cổ tức bằng tiền 2010 (20% VDL): 26.207.660.000 đồng
  - Cổ tức đã tạm ứng đợt 1-2010 (12% VDL) 15.724.596.000 đồng.
  - Cổ tức trả bổ sung năm 2010 (8% VDL) 10.483.064.000 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2010 còn lại: 2.024.313.936 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm 2009 12.167.388.579 đồng.
- Lợi nhuận còn để lại chưa phân phối: 14.191.702.515 đồng.

### 4. Chi phí thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2010, mức thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2011.

- Chi phí thù lao, hội họp của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2010 đã chi là 275.534.413 đồng.
- Đề xuất thông qua mức thù lao hàng tháng năm 2011 tương đương như mức năm 2010 cụ thể:
  - Đối với các thành viên HĐQT không trực tiếp làm việc tại công ty: 5.000.000 đồng/người/tháng.
  - Đối với các thành viên BKS không trực tiếp làm việc tại công ty: 4.000.000 đồng/người/tháng.
  - Đối với các thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát là các cán bộ quản lý trong công ty kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp tiền lương theo quy định của nhà nước và thực hiện theo quy chế phân phối tiền lương của Công ty.

### 5. Kế hoạch trả cổ tức 2011.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011. Căn cứ vào nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2011 và các năm tiếp theo. Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức chi trả cho cổ đông năm 2011, hình thức và cách thức chi trả như sau:

- Tỷ lệ cổ tức dự kiến: 20% tính trên vốn điều lệ.
- Hình thức chi trả: bằng tiền.
- Cách thức chi trả: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định số lần chi trả và thời điểm chi trả cổ tức cho Cổ đông.



## 6. Chọn đơn vị kiểm toán.

Căn cứ vào danh sách các Công ty Kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước cho phép kiểm toán cho các Công ty niêm yết. Hội đồng quản trị đã thông báo cho một số các công ty kiểm toán mời gửi hồ sơ để tuyển chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011. Sau khi xem xét đánh giá, Hội đồng quản trị đề xuất với Đại hội cổ đông thông qua việc lựa chọn **Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY** để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 cho Công ty Cổ Phần Cát Lợi.

## 7. Sửa đổi điều lệ:

Căn cứ vào nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội cổ đông thông qua ngày 29/02/2008.

Hội đồng quản trị Công ty trình các nội dung sửa đổi bổ sung điều lệ như dưới đây:

### ➤ **Nội dung sửa đổi 1: Sửa đổi Mục a, Khoản 2, Điều 10 “ Quyền hạn của cổ đông”:**

**Cũ:** “ a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại diện được ủy quyền;”

**Sửa lại:** ”Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức sau đây:

- Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
- Thông qua Đại diện được ủy quyền.”

*(Căn cứ vào Điều 26 của Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ)*

### ➤ **Nội dung sửa đổi 2: Bổ sung thêm Khoản 4 vào Điều 10 “ Quyền hạn của cổ đông”:**

**Bổ sung:** “4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền yêu cầu Ban kiểm soát khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc đã lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.”

*(Căn cứ vào Điều 25 của Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ)*

➤ **Nội dung sửa đổi 3: Sửa đổi Khoản 7, Điều 22 “Các cuộc họp của Hội đồng quản trị”:**

**Cũ:** “7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Thành viên tham dự cuộc họp là các thành viên Hội đồng quản trị chính thức hoặc người đại diện theo uỷ quyền của họ được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.”

**Sửa lại:** “7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất chỉ có thể được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên hội đồng quản trị dự họp. Thành viên tham dự cuộc họp là các thành viên Hội đồng quản trị chính thức hoặc người đại diện theo uỷ quyền của họ được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.”

*(Căn cứ vào Điều 30 của Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ)*

➤ **Nội dung sửa đổi 4: Sửa đổi bổ sung vào khoản 2 điều 25 “Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám Đốc”:**

**Cũ:** “2. Nhiệm kỳ.

Căn cứ theo Điều 21 của Điều lệ này, Giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản. Giám đốc Công ty không được đồng thời là Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.”

**Sửa lại:** “2. Nhiệm kỳ.

Căn cứ theo Điều 21 của Điều lệ này, Giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn

cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp cụ thể Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản
- Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% số cổ phần phổ thông hoặc người khác thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty.
- Khi cổ phần của Nhà nước tại Công ty còn chiếm trên 50% vốn điều lệ thì Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi hoặc anh, chị, em ruột của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty.

Giám đốc Công ty không được đồng thời là Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.”

(Căn cứ vào Điều 15 của Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ).

#### **8. Các vấn đề khác Đại hội đề xuất**

Các đề xuất của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (nếu có), sẽ được đưa ra thảo luận và thông qua Đại hội đồng cổ đông.

## **II. BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận đề nghị của Cổ đông là Tổng Công ty Thuộc Lá Việt Nam về việc thay đổi người đại diện và đề cử người đại diện mới ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty. Đại Hội cổ đông sẽ tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Ban tổ chức Đại hội.

Trân trọng./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- TCHC;
- Lưu: VT, ĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**PHAN VĂN TẠO**

## TỜ TRÌNH

Về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Quý cổ đông – Công ty cổ phần Cát Lợi

Căn cứ vào công văn số 161/TLVN-TCNS ngày 09/03/2011 của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam về việc thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ Phần Cát Lợi cụ thể:

Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam cử Bà Quách Kim Anh – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam làm người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty và tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Cát Lợi tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty Cổ Phần Cát Lợi để thay cho Ông Phan Văn Tạo thực hiện nhiệm vụ khác.

Căn cứ các quy định của điều lệ Công ty Cổ Phần Cát Lợi, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông các nội dung sau:

1. Biểu quyết thông qua việc đồng ý cho Ông Phan Văn Tạo thôi làm nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Cát Lợi.
2. Bỏ phiếu bầu cử Bà Quách Kim Anh vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Cát Lợi theo quy định.

Thề lệ bầu cử Hội đồng quản trị theo quy định của Ban tổ chức đại hội do Ban bầu cử công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- TCHC;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**PHAN VĂN TẠO**



**SƠ YẾU LÝ LỊCH TRÍCH NGANG**  
**Bà QUÁCH KIM ANH**

**QUÁCH KIM ANH**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng, năm sinh : 15/02/1960

Số CMND: 020480775, Do Công an TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 02/03/1998.

Địa chỉ thường trú: Số 206 Nguyễn Tất Thành, phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Đại học (Kinh tế Công nghiệp)

Lý luận chính trị : Cao cấp Chính trị

Chính trị : Đảng viên ĐCSVN

Chức danh hiện tại : Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam

**Tóm tắt quá trình công tác:**

<b>Từ tháng/ năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
01/1981	Công tác tại Phòng kế hoạch cung tiêu Xí nghiệp Đồ dùng dạy học TW2- Bộ giáo dục
09/1983	Phó phòng kế hoạch cung tiêu Xí nghiệp Đồ dùng dạy học TW2- Bộ giáo dục
02/1985	Cán bộ phòng kế hoạch, Xí nghiệp Liên hợp Thuốc lá II
07/1986	Chuyên viên kế hoạch, Liên hiệp Thuốc lá Việt Nam
11/1992	Chuyên viên Kế hoạch Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
07/1994	Phụ trách bộ phận kế hoạch Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
01/1996	Trưởng phòng Kinh tế – Kế hoạch Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
02/2004 -nay	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam

./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 03 năm 2011

## THẺ LỆ BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý cổ đông – Công ty cổ phần Cát Lợi

### 1. Số lượng thành viên bầu vào Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên bầu vào Hội đồng quản trị (HĐQT) là 01 người.

### 2. Nguyên tắc bầu cử:

- Thủ tục ứng cử, đề cử nhân sự để bầu vào HĐQT và thực hiện bầu thành viên HĐQT tuân thủ đúng quy định của Điều lệ công ty về việc tham gia đề cử, ứng cử.
- Việc bầu cử tuân thủ nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu N cổ phiếu

- + Tổng số phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông A là  $N \times 1$ .
- + Cổ đông A có thể dồn tất cả số phiếu bầu cho ứng cử viên hoặc chỉ một phần trong tổng số phiếu bầu hoặc có thể bỏ phiếu trắng. Số phiếu bầu cho ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu được quyền biểu quyết của cổ đông được ghi trên phiếu bầu thành viên HĐQT.

### 3. Trình tự tiến hành bầu cử

#### - Phiếu bầu cử:

- + Phiếu bầu được in sẵn trong đó có tổng số phiếu bầu cho từng cổ đông cụ thể có đóng dấu của Công ty Cp Cát Lợi.
- + Phiếu bầu cử thành viên HĐQT sẽ do Ban bầu cử & kiểm phiếu phát cho các cổ đông đến tham dự tại Đại hội.

#### - Cách thức bầu cử:

- + Cổ đông ghi rõ số phiếu bầu cho ứng cử viên vào cột tương ứng trên Phiếu bầu cử. Cổ đông có thể dồn tất cả số phiếu bầu cho ứng cử viên hoặc chỉ một phần trong tổng số phiếu bầu hoặc có thể bỏ phiếu trắng.

+ Số phiếu bầu cho ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu được quyền biểu quyết của cổ đông được ghi trên phiếu bầu thành viên HĐQT

+ Trong trường hợp muốn sửa đổi do ghi sai phải gạch bỏ đề ngang lên số sai, ký tên ngay bên cạnh (tại cột ghi chú) chỗ gạch bỏ và ghi lại số đúng.

#### - Kiểm phiếu:

+ Phiếu bầu hợp lệ là phiếu bầu do Ban bầu cử & kiểm phiếu phát ra, có đóng dấu của công ty, có chữ ký của cổ đông tham gia bỏ phiếu, có tổng cộng số phiếu bầu cho ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu bầu được quyền biểu quyết của cổ đông ghi trên phiếu bầu.

+ Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu không do Ban bầu cử & kiểm phiếu phát ra, không có chữ ký của cổ đông tham gia bỏ phiếu và/ hoặc phiếu bầu có tổng cộng số phiếu bầu cho ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu được quyền biểu quyết của cổ đông ghi trên phiếu bầu.

### 4. Xác định kết quả trúng cử.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải có số phiếu bầu ít nhất bằng 65% tổng số cổ phần dự họp (tổng số phiếu được bầu chia cho tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông dự họp).

Trân trọng./.

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2010**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 03/2011**

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	2
1. Khái quát về quá trình hình thành, phát triển của Công ty.....	2
2. Những sự kiện quan trọng trong năm .....	3
3. Định hướng phát triển.....	3
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	4
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:.....	4
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch: .....	5
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: Không có .....	5
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai: .....	5
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	6
1. Báo cáo tình hình tài chính:.....	6
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	8
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm: .....	8
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2011 .....	9
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	10
V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN .....	10
1. Kiểm toán độc lập:.....	10
2. Kiểm toán nội bộ .....	10
VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN .....	11
1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức : .....	11
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức:.....	11
3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:.....	11
4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan: .....	11
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	11
1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành/niêm yết:.....	11
2. Các cá nhân trong Ban điều hành: .....	11
3. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: .....	11
4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:.....	11
5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:.....	12
VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	12
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: .....	12
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 25/02/2011 .....	15



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

### Năm 2010

Tên tổ chức phát hành/niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI.**

Địa chỉ: **934D2, Đường D, Khu CN Cát Lái, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp.HCM**

Điện thoại: **08.37421118**

Fax: **08.37420923**

Mã chứng khoán:

**CLC**

### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Khái quát về quá trình hình thành, phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xi nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 08/08/2008.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18 tháng 10 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.

#### a. **Vốn điều lệ tại 31/12/2010: 131.038.300.000 VND**

- Vốn điều lệ được hình thành trên cơ sở phát hành cổ phiếu.
- Số cổ phiếu đã phát hành: 13.103.830 cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

*Các cổ đông bao gồm:*

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam)	6.683.040	51
Cổ đông khác	6.420.790	49
<b>Cộng</b>	<b>13.103.830</b>	<b>100</b>

#### b. **Trụ sở hoạt động:**

- Địa chỉ: Đường D, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08. 3742 1118 - Fax: 08. 3742 0923
- Website: www.catloi.com.vn
- Mã số thuế: 0303185504

**c. Hoạt động chính của Công ty là:**

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất, giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc-thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

**2. Những sự kiện quan trọng trong năm**

Năm 2010, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đã đạt 1.216 tỷ đồng, tăng 5,71 % so với năm trước, đây là sự nỗ lực phấn đấu rất lớn của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty trong điều kiện nền kinh tế trong nước cũng như thế giới vẫn đang phải chống chọi với đà suy giảm kinh tế.

Sự biến động tăng của tỷ giá ngoại tệ cũng như lãi suất tiền vay cao trong năm 2010 đã làm cho chi phí tài chính của Công ty trong năm 2010 lên đến 57.434.604.144 đồng tăng thêm 11.819.138.443 đồng so với năm 2009. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của công ty làm cho lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm chỉ đạt 46.550.979.154 đồng bằng 85,11% so với năm trước mặc dù doanh thu và lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ vẫn có sự tăng trưởng.

**3. Định hướng phát triển**

Căn cứ vào những kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua cụ thể là trong năm 2010 mặc dù giá cả nguyên vật liệu, lãi suất tiền vay tăng cao, tỷ giá ngoại tệ diễn biến tăng bất thường nhưng Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty với quyết tâm cao đã khắc phục và vượt qua khó khăn lãnh đạo công ty đạt được những kết quả nhất định. Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới vẫn còn tiếp tục gặp những trở ngại do chưa thực sự ổn định. Giá cả nguyên vật liệu, lãi suất tiền vay đứng ở mức cao, tỷ giá ngoại tệ có những diễn biến phức tạp theo chiều hướng tăng rất khó dự đoán điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã định hướng phát triển cho năm 2011 và những năm tiếp theo như sau:

**a. Định hướng năm 2011:**

- Giữ vững thị trường thị phần sản phẩm nhằm duy trì sự ổn định và tăng trưởng về sản lượng, doanh thu để bù đắp sự gia tăng của chi phí đầu vào do ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất tiền vay, tỷ giá ngoại tệ nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty không bị giảm sút so với năm trước;

- Đưa vào khai thác và sử dụng hiệu quả 01 máy in ống đồng 9 màu đầu tư mới trong năm 2011 để sản xuất các sản phẩm bao bì đòi hỏi công nghệ cao đáp ứng yêu cầu của khách hàng nhằm tăng năng lực sản xuất và năng lực cạnh tranh;

**b. Định hướng phát triển các năm tiếp theo:**

- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn để giảm tỷ trọng nợ phải trả tránh sự phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay cụ thể như phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, chính sách chi trả cổ tức hợp lý vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông vừa đảm bảo vốn tích lũy cho công ty để đầu tư phát triển, ...nhằm tăng năng lực tài chính cho Công ty;

- Tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính cụ thể: Tiếp tục đầu tư mới tài sản cố định nhất là thiết bị in để đáp ứng tốc độ tăng trưởng sản phẩm in mỗi năm từ 10% trở lên đồng thời tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;

- Mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh dưới các hình thức như hợp tác đầu tư, thành lập thêm các công ty con và tổ chức khai thác một cách hiệu quả.

- Phân đầu giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc..

**II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:**

Năm 2010, Công ty tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thêm 5,71% so với năm 2009, tuy nhiên lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 85,11% so với năm trước do ảnh hưởng lãi suất tiền vay và tỷ giá ngoại tệ tăng cao làm cho chi phí tài chính của Công ty tăng 25,91% so với năm trước cụ thể:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Các chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tỷ lệ % 2010/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.149.968	1.215.655	105,710%
2. Lợi nhuận trước thuế	54.697	46.551	85,11%
3. Lợi nhuận sau thuế	50.756	42.868	84,46%
4. Chi phí tài chính	45.615	57.435	125,91%

## 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Các chỉ tiêu	Thực hiện 2010	K. hoạch 2010	Tỷ lệ % T.hiện/K.hoạch
1. Tổng doanh thu	1.218.824	1.190.000	102,42%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	46.551	55.000	84,64%

Ghi chú: Tổng doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.215.655 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 2.575 triệu đồng và thu nhập khác: 594 triệu đồng.

## 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: Không có

## 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

### a. Triển vọng của Công ty:

- ✓ Sản phẩm của Công ty mang tính đặc thù và tính công nghệ cao được các khách hàng tin tưởng sử dụng do chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt, giá cả cạnh tranh đồng thời Công ty rất chú trọng trong việc quản lý chất lượng sản phẩm.
- ✓ Thị trường sản phẩm của Công ty đảm bảo được sự ổn định, bền vững và tăng trưởng do thị phần sản phẩm nhãn in, giấy sấp, cây đầu lọc của Công ty chiếm tỷ trọng lớn tại thị trường trong nước.
- ✓ Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm in của Công ty còn rất lớn vì thế mặt hàng sản phẩm in tiếp tục có sự tăng trưởng trong tương lai.

### b. Kế hoạch trong tương lai:

- ✓ Công ty tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm theo nhu cầu thị trường, tổ chức nghiên cứu thị trường cùng phối hợp với khách hàng dự báo xu hướng phát triển sản phẩm mới nhất là sản phẩm in công nghệ cao (Hologram), cây đầu lọc tẩm hương, đường kính nhỏ (slim), giấy sấp nhiều màu và giấy sấp đục lỗ;
- ✓ Công ty tiếp tục đầu tư thêm 01 máy in ống đồng 9 màu trong năm 2010 để đáp ứng năng lực sản xuất, dự kiến máy in ống đồng 9 màu được lắp đặt và đưa vào sử dụng vào giữa năm 2011;
- ✓ Tiếp tục hoàn thiện phương án mở rộng sản xuất tại phía Bắc;
- ✓ Quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập người lao động tăng trưởng ổn định;

- ✓ Nghiên cứu và triển khai các biện pháp huy động vốn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn để giảm tỷ trọng nợ phải trả tránh sự phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay cụ thể như phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, chính sách chi trả cổ tức hợp lý vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông vừa đảm bảo vốn tích lũy cho công ty để đầu tư phát triển, ...;
- ✓ Nghiên cứu các hoạt động kinh doanh đa ngành của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam để kết hợp mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương của Công ty mẹ.
- ✓ Phân đầu giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

##### a. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

Bảng một số chỉ tiêu đánh giá như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	91,64	86,24
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	8,36	13,76
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	66,56	59,36
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	33,44	40,64
Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21,74	27,90
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,38	1,45
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,17	0,14
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	3,83	4,76
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,53	4,41
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7,72	11,65

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	7,11	10,81
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	21,27	26,59
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	32,71	38,73

- Cơ cấu tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản của công ty trong năm nay đã giảm so với năm 2009 do tốc độ đầu tư vào tài sản cố định thấp hơn mức khấu hao tài sản cố định trong năm. Tỷ trọng tài sản cố định chiếm tỷ lệ thấp trên tổng tài sản là do hầu hết các tài sản cố định của Công ty đã trích hết khấu hao tuy nhiên các tài sản này vẫn hoạt động tốt và đáp ứng tiêu chuẩn công nghệ trung bình tiên tiến trở lên;

- Nhu cầu vốn lưu động tiếp tục tăng lên do sự tăng trưởng về doanh thu cùng với sự biến động về giá cả nguyên vật liệu làm cho việc dự trữ hàng tồn kho đảm bảo cho sản xuất cũng tăng vì thế tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn năm nay tăng cao và làm mất cân đối thêm giữa nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu cụ thể: nợ phải trả chiếm 66,56%, nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 33,44 % tổng nguồn vốn. Để giảm bớt sự rủi ro do phải phụ thuộc vào nguồn vốn vay công ty cần phải tiếp tục tích lũy bổ sung thêm nguồn vốn chủ sở hữu dưới hình thức tích lũy một phần lợi nhuận để đầu tư phát triển hoặc phát hành thêm chứng khoán (cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi..) để đảm bảo an toàn và chủ động nguồn vốn hơn cho việc ổn định và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của công ty bị giảm so với năm trước, tuy nhiên hệ số này năm nay đạt 1,38 lần vẫn đảm bảo mức độ an toàn đối với hoạt động của Công ty. Hiện các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đúng kỳ hạn.

- Tỷ suất lợi nhuận gộp về bán hàng trên doanh thu vẫn duy trì sự ổn định năm 2010 đạt 10,79% (năm trước là 10,73%), xong các tỷ suất sinh lời về lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều giảm sút so với năm 2009, chủ yếu là do ảnh hưởng lớn của chi phí tài chính trong năm tăng gần 12 tỷ đồng so với năm trước do lãi suất tiền vay cao cùng với biến động tăng tỷ giá ngoại tệ.

**b. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo (vốn chủ sở hữu):** 201.580.809.241 đồng tương đương 15.383 đồng/cổ phiếu.

**c. Những thay đổi về vốn cổ đông:** Không có thay đổi.

**d. Tổng số cổ phiếu theo từng loại:** Cổ phiếu phổ thông: 13.103.830 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

**e. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:** Cổ phiếu phổ thông: 13.103.830 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

**f. Cổ tức:** Trong năm, Công ty đã thanh toán cổ tức còn lại của năm 2009 bằng tiền cho cổ đông vào tháng 05/2010 tỷ lệ 13% (1.300 đồng/cổ phiếu) đồng thời trả tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng tiền tỷ lệ 12% (1.200 đồng/cổ phiếu) và đã thanh toán vào ngày 16/12/2010 theo danh sách phân bổ quyền tại ngày đăng ký cuối cùng 19/11/2010. Mức cổ tức chính thức của năm 2010 sẽ được Đại hội cổ đông quyết định tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 25/03/2011.

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu kế hoạch về kinh doanh như doanh thu, lợi nhuận Công ty đã đạt được trong năm 2010 như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	So sánh (%)	
				TH-2010/ TH-2009	TH-2010/ KH-2010
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.151.693	1.190.000	1.218.824	105,83%	102,42%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	54.697	55.000	46.551	85,11%	84,64%

## 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm:

- Công ty đã thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng, chủ động làm việc với khách hàng để điều chỉnh giá bán sản phẩm khi nguyên liệu đầu vào tăng giá nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty gắn liền với lợi ích của khách hàng.

- Máy cắt giấy chia cuộn được đầu tư đưa vào sử dụng trong tháng 05/2010 đã thực sự phát huy trong năm 2010 góp phần đem lại hiệu quả cho Công ty. Đồng thời Công ty cũng hoàn tất việc lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng với nhà thầu về việc cung cấp lắp đặt 01 máy in ống đồng 9 màu trong năm 2010 và dự kiến thiết bị sẽ đưa vào sử dụng từ giữa năm 2011.

- Thực hiện tốt công tác tổ chức nhân sự của Công ty: Bổ nhiệm các cán bộ trẻ có năng lực đảm nhận những vị trí quản lý để từng bước hoàn chỉnh bộ máy quản lý điều hành đáp ứng nhu cầu công việc và hướng phát triển của Công ty trong tương lai.

- Hoàn chỉnh các quy chế nội bộ của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm tăng cường sự giám sát và quản lý Công ty.
- Thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty, thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Nâng cao tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, đặc biệt chú trọng tới tinh thần hợp tác của các cán bộ công nhân viên có trình độ quản lý tốt, có kinh nghiệm và tay nghề cao am hiểu nhiều trong lĩnh vực sản xuất chuyên ngành.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong năm 2011

##### a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, với thực lực hiện có của Công ty cùng với việc xem xét đánh giá những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Công ty đã xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2011 như sau:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Kế hoạch 2011</i>
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.250.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	46.000
3	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	56.000
4	Sản lượng :		
	Sản xuất và tiêu thụ		
	- Cây đầu lọc ( <i>quy đổi</i> )	Triệu cây	12.030
	- Nhãn in ( <i>quy đổi</i> )	Triệu tờ	2.370
	- Giấy sáp các loại	Tấn	1.550

##### b. Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011:

- Giám sát và triển khai thực hiện việc quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ đã ban hành;
- Đàm phán ký kết hợp đồng mua, bán dài hạn với khách hàng nhất là đối với việc ký kết hợp đồng mua nguyên liệu chính phải nhập khẩu với số lượng và giá cả hợp lý nhất để đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vật tư sản xuất cho năm 2011;
- Thực hiện việc lắp đặt thêm 01 máy in ống đồng 9 màu có trang bị hệ thống Hotamping (ép nhũ) đúng tiến độ và đưa vào sử dụng kịp thời để đáp ứng năng lực sản xuất, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm.



- Nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty bằng những ưu thế về chất lượng, công nghệ, giá cả cạnh tranh, dịch vụ hậu mãi...;
- Mở rộng xuất khẩu và thị phần trong nước bằng những chính sách thị trường hợp lý;
- Chú trọng xây dựng thương hiệu, giới thiệu hình ảnh Công ty qua các phương tiện thông tin đại chúng và Website của Công ty;
- Từng bước nâng cao thu nhập người lao động, trích thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích thi đua lao động xuất sắc;
- Xây dựng và triển khai các chương trình hành động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như giảm tiêu hao nguyên vật liệu, ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm ERP trong quản lý;
- Khuyến khích nghiên cứu công nghệ mới có tính thực tiễn cao, từng bước cải tiến công nghệ cũ nhằm khai thác tối đa công suất phục vụ sản xuất mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy nhân sự hoạt động hiệu quả, tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế hoạt động trong tình hình mới;
- Chủ động trước các nhu cầu trong tương lai của khách hàng bằng cách mở rộng nghiên cứu về công nghệ, thị trường, dự báo tình hình và xu hướng phát triển của sản phẩm nhằm có những thay đổi kịp thời và phù hợp.

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (Phần phụ lục đính kèm).

#### **V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

##### **1. Kiểm toán độc lập:**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

##### **2. Kiểm toán nội bộ**

Không có.

## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

### 1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức :

- Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt nam nắm giữ 51%.

### 2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức:

- Chưa có.

### 3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

- Không có.

### 4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

- Hiện công ty chưa có số liệu tài chính của công ty liên quan là Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam.

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành/niêm yết:

- Ban giám đốc: 01 Giám đốc, 01 Phó giám đốc.
- Phòng Tổ chức hành chính.
- Phòng tài chính kế toán
- Phòng Kế hoạch vật tư xuất nhập khẩu.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng Đầu tư.
- Phòng kỹ thuật.
- Kho vật tư thành phẩm.
- Phân xưởng In.
- Phân xưởng cây đầu lọc.

### 2. Các cá nhân trong Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1. Ông Bùi Tấn Hòa	Giám đốc	01/03/2008	
2. Ông Nguyễn Đức Hanh	Phó giám đốc	01/04/2008	

### 3. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm:

Không thay đổi.

### 4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

<b>Chỉ tiêu lao động</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Tỷ lệ % 2010/2009</b>
Số lượng lao động tại 31/12	320	317	100,1%
Số lượng lao động bình quân năm	320	311	102,9%
Tiền lương bình quân người lao động (VNĐ/người/tháng)	<b>7.481.000</b>	<b>7.531.000</b>	<b>99,3%</b>

- Công ty đã áp dụng quy chế tiền lương để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động đem lại thu nhập cao. Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên tiền lương của người lao động năm nay của Công ty vẫn giữ được sự ổn định tương đương so với năm trước giúp người lao động yên tâm công tác. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm, thưởng động viên sản xuất... được công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo được công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

### **5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:**

Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 23/03/2010 đã bầu Ông Nguyễn Duy Khánh là thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho Ông Trần Sơn Châu xin thôi làm nhiệm vụ.

## **VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

#### **a. Thành phần của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:**

<b>Hội đồng quản trị</b>				
<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>	<b>Ngày miễn nhiệm</b>	<b>Ghi chú</b>
Ông Phan Văn Tạo	Chủ tịch	08/04/2009	-	
Ông Trần Sơn Châu	Thành viên	08/04/2009	23/03/2010	
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	23/03/2010	-	Thay cho Ông: Trần Sơn Châu
Ông Bùi Tấn Hòa	Thành viên	08/04/2009	-	
Ông Cù Mạnh Đạt	Thành viên	08/04/2009	-	
Ông Trương Bình An Sơn	Thành viên	08/04/2009	-	

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1. Bà Mai Thị Thu Lan	Trưởng ban	08/04/2009	-	
2. Ông Nguyễn Văn Đạo	Ủy viên	08/04/2009	-	
3. Bà Trịnh Thanh Huyền	Ủy viên	08/04/2009	-	

**b. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2010:**

✓ **Công tác điều hành :**

- Trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp và ban hành 5 Nghị quyết, tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

✓ **Công tác tổ chức**

- Thông qua việc bổ nhiệm 01 trưởng phòng Tổ chức hành chính; 01 phó phòng Tiêu thụ - Thị trường; 01 quyền quản đốc phân xưởng cây đầu lọc.

✓ **Công tác ban hành quy chế :**

- Hội đồng quản trị đã cho ban hành quy chế trong tháng 01/2011 gồm: Quy chế Người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; quy chế Khen thưởng Quỹ thưởng ban quản lý điều hành; quy chế Thực hiện dân chủ trong công ty; quy chế Chi tiêu nội bộ. Các quy chế này được áp dụng từ năm 2011.

✓ **Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh :**

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2010.
- Đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011 trình Đại hội cổ đông.

✓ **Công tác đầu tư:**

- Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: “Đầu tư 01 máy cắt giấy chia cuộn”.
- Phê duyệt gói thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Cung cấp và lắp đặt 01 máy in ống đồng 9 màu có thêm cụm Hologram”.
- Chủ trương mở rộng sản xuất dưới hình thức hợp tác góp vốn thành lập Công ty sản xuất tại Phía Bắc.

✓ **Công tác khác:**

- Chuẩn bị tài liệu trình Đại hội cổ đông và tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2010.

- Thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- Chỉ đạo giám sát Ban giám đốc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

✓ **Công tác đánh giá, kiểm điểm của Hội đồng quản trị :**

- Công tác tổ chức họp và ban hành nghị quyết : Hội đồng quản trị đã nghiêm túc tổ chức các phiên họp thường kỳ nhằm vạch ra các chủ trương đúng đắn cho công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả . Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty trong việc theo dõi triển khai những nghị quyết đã ban hành nhằm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty và chính sách của Nhà nước.
- Công tác chỉ đạo giám sát: Chỉ đạo và giám sát Ban Giám Đốc tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban. Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị để mang lại hiệu quả cao cho Công ty trong năm 2010.

**c. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2010:**

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2009;
- Thẩm định báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty CP Cát Lợi về việc đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2010 trước khi trình ĐHCĐ trong phiên họp ngày 25/03/2011;
- Kiểm tra công nợ và các hợp đồng mua bán nguyên, phụ liệu;
- Kiểm tra chi phí;
- Thực hiện chế độ báo cáo quý cho Hội đồng quản trị công ty trong đó có phân tích, so sánh và đề nghị một số vấn đề liên quan đến tài chính;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo thư mời.

**d. Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:**

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp Hội đồng quản trị đều mở rộng có ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển sang ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị và điều hành của Ban giám đốc;

- Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, phân xưởng trong công ty, các cổ đông trong cũng như ngoài công ty như hoạt động sản xuất kinh doanh, chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện thắng lợi nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra;

- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

**e. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị:** Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chỉ hưởng thù lao theo công việc phục vụ cho Công ty. Không có thành viên Hội đồng quản trị nào có những quyền lợi riêng về giao dịch kinh doanh của họ với công ty.

**f. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị:** Không có thay đổi.

**g. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và những người điều hành chủ chốt khác của công ty:** Theo qui định của nhà nước và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua cụ thể:

- Mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp làm việc tại công ty gồm các ông Phan Văn Tạo, ông Nguyễn Duy Khánh là 5.000.000 đồng/tháng/người.

- Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc trực tiếp tại công ty gồm các ông Bùi Tấn Hòa, ông Trương Bình An Sơn, ông Cù Mạnh Đạt được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định của Nhà nước và theo quy chế phân phối tiền lương của Công ty.

- Tổng chi phí thù lao, hội họp của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2010 đã chi là 275.534.413 đồng.

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 25/02/2011

### a. Thông tin chung về cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I.</b>	<b>Trong nước</b>	<b><u>658</u></b>	<b><u>12.475.239</u></b>	<b><u>95,20%</u></b>
1	Nhà nước	1	6.683.040	51,00%
2	Hội đồng quản trị, BGD, BKS	5	168.504	1,29%
3	Cá nhân trong công ty	90	711.019	5,43%
4	Cá nhân ngoài công ty	532	3.424.305	26,13%
5	Tổ chức trong nước	30	1.488.371	11,36%

<b>II.</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b><u>41</u></b>	<b><u>628.591</u></b>	<b><u>4,80%</u></b>
1	Cá nhân	31	38.154	0,29%
2	Tổ chức	10	590.437	4,51%
	<b><u>Tổng cộng</u></b>	<b><u>699</u></b>	<b><u>13.103.830</u></b>	<b><u>100%</u></b>

**b. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

- Danh sách cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	25A Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.683.040	51,00%
2	Cty TNHH 1TV Thuốc lá Sài Gòn	152 Trần Phú, Quận 5, Tp.HCM	836.270	6,38%
	<b><u>Tổng cộng</u></b>		<b><u>7.519.310</u></b>	<b><u>57,38%</u></b>

- Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn: Các cổ đông lớn không thực hiện bất kỳ giao dịch mua bán nào trong năm, tỷ lệ sở hữu cổ phần cũng không có sự thay đổi trong năm.

Trân trọng./.

*Tp. HCM, ngày tháng 03 năm 2011*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**PHAN VĂN TẠO**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

*Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
đã được kiểm toán*

Được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**





**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>3 - 4</b>
<b>BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN</b>	<b>5 - 5</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 09
- Kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 31

UỶ BAN  
CỘNG HÒA  
TH VI  
CHÍNH  
KIẾ  
PHÍA  
TP.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### Công ty

Công Ty Cổ Phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí Nghiệp In Bao Bì Và Phụ Liệu Thuộc Lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 lần đầu ngày 19/02/2004 (đăng ký lại lần 7 ngày 08/08/2008) do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã được niêm yết cổ phiếu tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18/10/2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 131.038.300.000 VND.

Trụ sở của Công ty tại địa chỉ: Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- In trên bao bì.
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp.
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất dầu lọc thuốc lá.
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 50.755.734.805 VND. Lợi nhuận sau thuế cho năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 42.868.240.474 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 43.770.728.818 VND. Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 38.311.033.053 VND.

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Phan Văn Tạo	Chủ tịch HĐQT
Ông :	Bùi Tấn Hòa	Thành viên
Ông :	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông :	Cù Mạnh Đạt	Thành viên
Ông :	Trương Bình An Sơn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Bùi Tấn Hòa	Giám đốc
Ông :	Nguyễn Đức Hanh	Phó Giám đốc

189.  
TY  
DUH  
VẢI  
TO  
DÀN  
M  
CY

*Các thành viên Ban Kiểm soát*

Bà :	Mai Thị Thu Lan	Trưởng ban kiểm soát
Ông :	Nguyễn Văn Đạo	Thành viên
Bà :	Trịnh Thanh Huyền	Thành viên

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.

Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các qui định có liên quan hiện hành.

Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Cát Lợi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

*Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2011*

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



**Phan Văn Tạo**

*Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2011*

**TM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**

**Bùi Tấn Hòa**

Số: 35.../BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2010  
của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi

**Kính gửi:**

- **Cổ đông Công Ty Cổ Phần Cát Lợi**
- **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Cát Lợi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi được lập ngày 15/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2011

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**

**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**

**Tổng Giám đốc**



**Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV số: 479/KTV

**Kiểm toán viên**



**Dương Thị Quỳnh Hoa**

Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>552.462.069.291</b>	<b>405.019.360.225</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>67.484.438.480</b>	<b>37.913.110.245</b>
1. Tiền	111	V.01	67.484.438.480	37.913.110.245
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>1.900.076.000</b>	<b>1.700.068.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.550.102.000	2.550.102.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(650.026.000)	(850.034.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>191.768.675.947</b>	<b>138.449.243.761</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		190.154.828.972	138.208.317.066
2. Trả trước cho người bán	132		1.326.282.816	68.163.860
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	287.564.159	172.762.835
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>286.336.486.362</b>	<b>225.038.377.396</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	286.336.486.362	225.038.377.396
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.972.392.502</b>	<b>1.918.560.823</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		103.794.711	18.283.290
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.851.807.004	1.337.280.112
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.790.787	562.997.421
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>50.384.305.277</b>	<b>64.647.614.033</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30.134.305.277</b>	<b>44.397.614.033</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	15.334.259.059	35.208.231.578
- Nguyên giá	222		339.894.505.923	335.306.850.047
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(324.560.246.864)	(300.098.618.469)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		8.119.112.870	8.484.322.925
- Nguyên giá	228	V.06	15.525.212.589	15.525.212.589
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.406.099.719)	(7.040.889.664)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	6.680.933.348	705.059.530
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.250.000.000</b>	<b>20.250.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	20.250.000.000	20.250.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>			<b>602.846.374.568</b>	<b>469.666.974.233</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>401.265.565.327</b>	<b>278.794.043.548</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>401.016.487.615</b>	<b>278.617.922.362</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	316.110.938.693	207.071.844.481
2. Phải trả cho người bán	312		67.316.189.156	57.311.786.316
3. Người mua trả tiền trước	313		237.342.372	616.562.925
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	10.014.639.333	2.235.855.275
5. Phải trả người lao động	315		4.762.054.647	4.970.512.850
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	1.101.416.400	5.185.899.049
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BQL ĐH	323	V.12.6	1.473.907.014	1.225.461.466
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>249.077.712</b>	<b>176.121.186</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		249.077.712	176.121.186
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>201.580.809.241</b>	<b>190.872.930.710</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>201.580.809.241</b>	<b>190.872.930.710</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.038.300.000	131.038.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.801.550.793	1.164.550.736
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.925.517.125	7.470.515.886
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.504.408.270	7.428.835.270
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		38.311.033.053	43.770.728.818
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>602.846.374.568</b>	<b>469.666.974.238</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.019.400.000	201.538.769
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		358.290,02	42.066,20
- EUR		0,75	43,42
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Bùi Minh Tuấn

Kế toán trưởng

Trương Bình An Sơn

Giám đốc



Bùi Tân Hòa



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.13	1.215.654.663.994	1.149.967.803.965
2. Các khoản giảm trừ			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.215.654.663.994	1.149.967.803.965
4. Giá vốn hàng bán	VI.15	1.084.457.710.908	1.026.608.408.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.196.953.086	123.359.395.482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.14	2.574.663.199	1.557.939.113
7. Chi phí tài chính	VI.16	57.434.604.144	45.615.465.701
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		26.011.746.404	11.150.368.241
8. Chi phí bán hàng		16.346.722.843	12.755.023.241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.991.572.814	12.012.499.113
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.998.716.484	54.534.346.540
11. Thu nhập khác		594.365.368	166.740.998
12. Chi phí khác		42.102.698	3.690.909
13. Lợi nhuận khác		552.262.670	163.050.089
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (*)		46.550.979.154	54.697.396.629
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.17	3.682.738.680	3.941.661.824
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		42.868.240.474	50.755.734.805
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.271	3.873

(\*) Chi phí thuế TNDN hiện hành được miễn 50% thuế TNDN phải nộp từ năm 2007 đến năm 2015 với thuế suất thuế TNDN là 15%

Người lập biểu



Bùi Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Trương Bình An Sơn

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Giám đốc



Bùi Tấn Hòa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		46.550.979.154	54.697.396.629
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		48.553.198.898	34.305.675.905
- Khấu hao tài sản cố định		25.137.746.032	24.729.835.925
- Các khoản dự phòng		(200.008.000)	25.001.000
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.396.285.538)	(1.599.529.261)
- Chi phí lãi vay		26.011.746.404	11.150.368.241
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		95.104.178.052	89.003.072.534
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(56.761.086.376)	(28.300.964.849)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(61.298.108.966)	(75.391.228.438)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		9.030.048.467	4.166.714.990
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(85.511.421)	(2.253.736)
- Tiền lãi vay đã trả		(26.011.746.404)	(11.150.368.241)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.481.774.975)	(4.260.093.110)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.930.593.725	5.784.609.352
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.482.970.642)	(4.328.769.502)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(43.056.378.540)</b>	<b>(24.479.281.000)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(10.874.437.276)	(433.939.398)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		156.363.636	61.905.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(20.250.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.239.921.902	1.537.624.261
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(8.478.151.738)</b>	<b>(19.084.410.137)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.044.880.828.713	954.473.736.487
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(931.007.822.300)	(893.605.198.558)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(32.767.147.900)	(15.717.023.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>81.105.858.513</b>	<b>45.151.514.829</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>29.571.328.235</b>	<b>1.587.823.692</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>37.913.110.245</b>	<b>36.325.286.553</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>67.484.438.480</b>	<b>37.913.110.245</b>

Người lập biểu

Bùi Minh Tuấn

Kế toán trưởng

Trương Bình An Sơn

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011



Bùi Tấn Hòa

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí Nghiệp In Bao Bì Và Phụ Liệu Thuốc Lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 lần đầu ngày 19/02/2004 (đăng ký lại lần 7 ngày 08/08/2008) do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 131.038.300.000 VND.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

- In trên bao bì.
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp.
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá.
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

##### 1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### 1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	03 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

*Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:*

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

CÔNG  
NHẬN  
CH VỤ  
CHÍNH  
KIỂM  
PHÍA  
TP. H

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### 14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : không phát sinh

### 15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: không phát sinh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	82.698.100	166.349.200
Tiền gửi ngân hàng	67.401.740.380	37.746.761.045
Tiền gửi VND	60.618.572.935	36.990.887.348
Tiền gửi ngoại tệ	6.783.167.445	755.873.697
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn		
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.484.438.480</b>	<b>37.913.110.245</b>

#### Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2010 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn:	1.900.076.000	1.700.068.000
+ CK ngắn hạn là tương đương tiền	2.550.102.000	2.550.102.000
+ CK đầu tư ngắn hạn khác		
+ Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn(*)	(650.026.000)	(850.034.000)
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	1.900.076.000	1.700.068.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.900.076.000</b>	<b>1.700.068.000</b>

Ghi chú: Chi tiết số dư cuối kỳ khoản mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu):

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đạm Phú Mỹ	50.002	2.550.102.000	50.002	2.550.102.000

(\*) Chi tiết số dư khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 là:

Đạm Phú Mỹ (650.026.000)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

### 3. Các khoản phải thu khác

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	286.037.476	171.047.000
4. Phải thu khác	1.526.683	1.715.835
- Tài sản thiếu chờ xử lý		
- Phải thu thuế TNCN		
- Phải thu khác	1.526.683	1.715.835
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>287.564.159</u></u>	<u><u>172.762.835</u></u>

### 4. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	1.289.211.412	1.827.335.267
- Nguyên liệu, vật liệu	256.712.123.828	189.367.631.818
- Công cụ, dụng cụ	21.683.224	131.587.538
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.789.788.684	3.139.302.096
- Thành phẩm	24.523.679.214	30.572.520.677
- Hàng hoá		
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>286.336.486.362</u></u>	<u><u>225.038.377.396</u></u>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

### 5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ</b>					
1. Số dư đầu năm	28.004.257.622	298.690.245.796	5.659.312.439	2.953.034.190	335.306.850.047
2. Số tăng trong kỳ	216.070.345	3.467.702.548	1.150.486.747	64.303.818	4.898.563.458
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua sắm mới	216.070.345	3.467.702.548	1.150.486.747	64.303.818	4.898.563.458
- Xây dựng mới					
- Tăng khác					
3. Số giảm trong kỳ	-	-	310.907.582	-	310.907.582
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán			310.907.582		310.907.582
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	28.220.327.967	302.157.948.344	6.498.891.604	3.017.338.008	339.894.505.923
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	23.919.610.842	268.087.232.438	5.214.143.392	2.877.631.797	300.098.618.469
2. Khấu hao trong kỳ	948.441.943	23.325.947.081	443.644.807	54.502.146	24.772.535.977
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong kỳ	948.441.943	23.325.947.081	443.644.807	54.502.146	24.772.535.977
- Tăng khác					
3. Giảm trong kỳ	-	-	310.907.582	-	310.907.582
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán			310.907.582		310.907.582
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	24.868.052.785	291.413.179.519	5.346.880.617	2.932.133.943	324.560.246.864
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
1. Tại ngày đầu năm	4.084.646.780	30.603.013.358	445.169.047	75.402.393	35.208.231.578
2. Tại ngày cuối kỳ	3.352.275.182	10.744.768.825	1.152.010.987	85.204.065	15.334.259.059

- Máy in ống đồng 10 màu có nguyên giá là 50.599.943.747, giá trị còn lại là 4.816.750.146 VNĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại NH VID

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 251.255.220.617 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không.

- Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: chưa có.

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: chưa có.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
1. Số dư đầu năm	15.502.607.589		22.605.000		15.525.212.589
2. Số tăng trong kỳ			-		-
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong kỳ					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng do hợp nhất KD					
- Tăng khác (*)					
3. Số giảm trong kỳ					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
4. Số dư cuối kỳ	15.502.607.589		22.605.000	-	15.525.212.589
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	7.040.889.664				7.040.889.664
2. Khấu hao trong kỳ	350.140.056		15.069.999		365.210.055
3. Giảm trong kỳ					-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý nhượng bán					-
- Giảm khác					-
4. Số dư cuối kỳ	7.391.029.720		15.069.999	-	7.406.099.719
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
1. Tại ngày đầu năm	8.461.717.925		22.605.000	-	8.484.322.925
2. Tại ngày cuối kỳ	8.111.577.869		7.535.001	-	8.119.112.870

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đơn vị dùng để thế chấp, cầm cố vay ngân hàng là: 8.111.577.869 VND

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Chi phí XD CB dở dang		
Trong đó: những công trình, hạng mục lớn		
- Mua sắm tài sản cố định	6.680.933.348	705.059.530
+ Phần mềm Microsoft Dynamic AX	952.433.530	
+ Phần mềm quản lý nhân sự tiền lương	14.628.000	
+ Máy in ống đồng 9 màu	5.713.871.818	
- Sửa chữa lớn tài sản cố định		
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.680.933.348</b>	<b>705.059.530</b>

### 8. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Cổ phiếu Công Ty Chứng Khoán Nhất Việt (2.025.000 CP)	20.250.000.000	20.250.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.250.000.000</b>	<b>20.250.000.000</b>

### 9. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Vay ngắn hạn	316.110.938.693	207.071.844.481
+ Vay ngân hàng (VND)	103.000.000.000	39.700.000.000
Trong đó:		
+ Vay Ngân hàng ANZ	32.000.000.000	
+ Vay Ngân hàng VID Public Bank	16.300.000.000	
+ Vay Ngân hàng China Trust	10.600.000.000	
+ Vay Ngân hàng Quốc tế	26.500.000.000	18.500.000.000
+ Vay Ngân hàng Ngoại thương	17.600.000.000	21.200.000.000
+ Vay ngân hàng (USD)	213.110.938.693	167.371.844.481
Trong đó: (Đến 31/12/2010)		
+ Vay Ngân hàng Ngoại Thương (5.672.507,27USD)	107.391.907.635	86.631.300.875
+ Vay Ngân hàng ANZ (761.097,36 USD)	14.409.095.220	
+ Vay Ngân hàng ĐT và PT		8.354.711.954
+ Vay Ngân hàng China Trust (1.129.697,47 USD)	21.387.432.502	12.614.672.511
+ Vay Ngân hàng VID Public Bank (3.693.350,06 USD)	69.922.503.336	59.771.159.141
- Vay dài hạn hạn đến hạn trả		
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả		
<b>Tổng cộng</b>	<b>316.110.938.693</b>	<b>207.071.844.481</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

**Ghi chú:** Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản thế chấp và tín chấp.**10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2010	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2010
<b>10.1 Thuế phải nộp nhà nước</b>	<b>2.235.855.275</b>	<b>104.252.752.163</b>	<b>96.473.968.105</b>	<b>10.014.639.333</b>
1. Thuế GTGT đầu ra phải nộp		12.899.619.549	10.995.892.305	1.903.727.244
2. Thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu	1.022.113.521	60.261.098.136	56.431.404.653	4.851.807.004
3. Thuế xuất, nhập khẩu	345.362.732	26.426.234.192	24.692.771.724	2.078.825.200
4. Thuế TNDN	692.014.766	3.682.738.680	3.481.774.975	892.978.471
5. Thuế tài nguyên				
6. Thuế nhà đất				
7. Tiền thuê đất				
8. Các loại thuế khác	176.364.256	983.061.606	872.124.448	287.301.414
+ Thuế thu nhập cá nhân	176.364.256	983.061.606	872.124.448	287.301.414
+ Các loại thuế khác				
<b>10.2 Các khoản phải nộp khác</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	
- Các khoản phí, lệ phí		3.000.000	3.000.000	
- Các khoản phải nộp khác				
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.235.855.275</b>	<b>104.255.752.163</b>	<b>96.476.968.105</b>	<b>10.014.639.333</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý		
- BHYT		
- BHXH		108.225
- KPCĐ	49.218.469	47.797.359
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Phải trả về cổ phần hoá		
- Cổ tức phải trả		7.572.900
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	730.751.531	160.994.294
- Phải trả - khuyến khích người LĐ giỏi		
- Phải trả CNV-thưởng từ lương		
- Nhận ký quỹ, cược ngắn hạn	321.446.400	151.529.200
- Các khoản vay mượn tạm thời		4.817.897.071
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.101.416.400</b>	<b>5.185.899.049</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

Đường D, Khu công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP. HCM

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**12. Vốn chủ sở hữu****12.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Cổ phiếu ngân quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	2	3	4	5	6	7	9
<b>- Số dư đầu năm trước</b>	<b>131.038.300.000</b>					<b>1.800.000.000</b>	<b>2.514.835.270</b>	<b>21.231.105.899</b>
<b>Tăng trong năm trước</b>						<b>5.670.515.886</b>	<b>4.914.000.000</b>	<b>50.755.734.805</b>
- Tăng vốn trong năm trước								
- Lợi nhuận tăng trong năm trước								
- Trích lập quỹ								
- Tăng vốn trong năm						5.670.515.886	4.914.000.000	50.755.734.805
- Tăng khác								
<b>Giảm trong năm trước</b>								
- Bổ sung vốn từ lợi nhuận								
- Chia cổ tức năm trước								
- Trích lập quỹ								
- Phạt do vi phạm hành chính								
- Giảm khác								
<b>- Số dư cuối năm trước</b>	<b>131.038.300.000</b>					<b>7.470.515.886</b>	<b>7.428.835.270</b>	<b>43.770.728.818</b>
<b>- Số dư đầu năm nay</b>	<b>131.038.300.000</b>					<b>7.470.515.886</b>	<b>7.428.835.270</b>	<b>43.770.728.818</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>						<b>6.455.001.239</b>	<b>5.075.573.000</b>	<b>42.868.240.474</b>
- Tăng vốn								
- Lợi nhuận tăng trong kỳ								
- Trích lập quỹ								
- Tăng khác								
<b>Giảm trong kỳ</b>						<b>6.455.001.239</b>	<b>5.075.573.000</b>	<b>48.327.936.239</b>
- Chia cổ tức								
- Trích lập quỹ								
- Giảm khác								
<b>- Số dư cuối kỳ</b>	<b>131.038.300.000</b>					<b>13.925.517.125</b>	<b>12.504.408.270</b>	<b>38.311.033.053</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010***12.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2010		Tại ngày 01/01/2010		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.830.400.000	66.830.400.000		66.830.400.000	66.830.400.000
Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	64.207.900.000	64.207.900.000		64.207.900.000	64.207.900.000
Thặng dư vốn cổ phần					
Cổ phiếu ngân quỹ(*)					

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

**12.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	131.038.300.000	131.038.300.000
+ Vốn góp đầu năm	131.038.300.000	131.038.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	131.038.300.000	131.038.300.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	32.759.575.000	15.724.596.000

**Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm nay:** Trả bổ sung 13% cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt: 17.034.979.000 VND; Tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng 12% vốn điều lệ: 15.724.596.000 VND.

**12.4. Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

Dự kiến 20%

20%

**12.5. Cổ phiếu**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.103.830	13.103.830
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu thường	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu thường	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>12.6. Các quỹ của doanh nghiệp</b>		
- Quỹ đầu tư phát triển	13.925.517.125	7.470.515.886
+ Quỹ đầu tư phát triển	7.130.730.125	3.213.515.886
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6.794.787.000	4.257.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

		<i>Đơn vị tính: VND</i>
- Quỹ dự phòng tài chính	12.504.408.270	7.428.835.270
- Quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban QLĐH	1.473.907.014	1.225.461.466

**Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:****12.6.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:**

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

**12.6.2. Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để**

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

**12.6.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:**

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

**12.6.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:**

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

**13. Doanh thu**

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
<b>13.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.215.654.663.994</b>	<b>1.149.967.803.965</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	1.196.805.114.643	1.129.655.796.585
- Doanh thu gia công chế biến	6.355.666.230	8.904.141.853
- Doanh thu bán vật tư	1.343.873.195	2.149.666.994
- Doanh thu phế liệu thu hồi	10.203.722.247	8.320.768.482
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	946.287.679	937.430.051
<b>13.2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại		
+ Thuế GTGT phải nộp (trực tiếp)		
+ Thuế TTĐB		
+ Thuế xuất khẩu		
<b>13.3 Doanh thu thuần</b>	<b>1.215.654.663.994</b>	<b>1.149.967.803.965</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.196.805.114.643	1.129.655.796.585
- Doanh thu thuần gia công chế biến	6.355.666.230	8.904.141.853
- Doanh thu thuần bán vật tư	1.343.873.195	2.149.666.994
- Doanh thu thuần bán phế liệu thu hồi	10.203.722.247	8.320.768.482
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ khác	946.287.679	937.430.051
<b>14. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	909.917.302	1.477.594.977
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.330.004.600	60.029.284
- Chênh lệch tỷ giá thanh toán đã thực hiện	334.741.297	20.314.852
- Chênh lệch tỷ giá thanh toán chưa thực hiện		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.574.663.199</b>	<b>1.557.939.113</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

**15. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2010	Năm 2009
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	1.068.409.973.139	1.012.106.736.768
- Giá vốn gia công chế biến	3.620.912.406	3.378.969.684
- Giá vốn của vật tư	1.225.711.882	1.850.879.061
- Giá vốn của phế liệu thu hồi	10.203.722.247	8.320.768.482
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	51.103.555	13.624.437
- Giá vốn của dịch vụ khác	946.287.679	937.430.051
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.084.457.710.908</b>	<b>1.026.608.408.483</b>

**16. Chi phí tài chính**

	Năm 2010	Năm 2009
- Chi phí lãi vay	26.011.746.404	11.150.368.244
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán đã thực hiện	31.622.865.740	34.440.096.460
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(200.008.000)	25.001.000
- Chi phí tài chính khác		
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.434.604.144</b>	<b>45.615.465.704</b>

**17. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.682.738.680	3.941.661.824
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.682.738.680</b>	<b>3.941.661.824</b>

**18. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
20.1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.018.946.671.501	976.012.173.555
20.2. Chi phí nhân công	32.684.716.492	31.568.576.253
20.3. Chi phí dụng cụ sản xuất		
21.4. Chi phí khấu hao TSCĐ	25.213.271.227	25.473.559.340
22.5. Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.942.703.396	4.905.903.617
23.6. Chi phí khác bằng tiền	16.304.375.208	19.349.200.325
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.098.091.737.824</b>	<b>1.057.309.413.091</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

**VII. Những thông tin khác****1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với công ty gồm:

**Bên liên quan**

Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam  
 Công Ty Thuốc Lá An Giang  
 Công Ty Thuốc Lá Bến Tre  
 Công Ty Thuốc Lá Cửu Long  
 Công Ty Thuốc Lá Đồng Tháp  
 Công Ty Thuốc Lá Bắc Sơn  
 Công Ty Thuốc Lá Long An  
 Công Ty Thuốc Lá Sài Gòn  
 Công Ty Thuốc Lá Thanh Hóa  
 Công Ty Thuốc Lá Thăng Long  
 Công Ty Thuốc Lá Hải Phòng  
 Công Ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc Lá  
 Công Ty Thương Mại Thuốc Lá

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ  
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ

Công ty thực hiện các giao dịch mua bán chủ yếu với các bên liên quan trên.

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Bùi Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Trương Bình An Sơn

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Giám đốc



Bùi Tấn Hòa